LED Màn hình

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Mục lục

CÁC LƯU Ý AN TOÀN CHÍNH

LẮP ĐẶT SẢN PHẨM

SỬ DỤNG SẢN PHẨM

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

THÔNG TIN BỔ SUNG

1 Các lưu ý an toàn chính

1-1 Trước khi bắt đầu

Các biểu tượng được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
!	Lưu ý	Chỉ ra những trường hợp chức năng không hoạt động hoặc thiết lập được hủy bỏ.
	Lưu ý	Chỉ ra một gợi ý hoặc mẹo để sử dụng một chức năng.

Sử dụng tài liệu hướng dẫn này

- Bạn nên hiểu đầy đủ về các lưu ý an toàn trước khi sử dụng sản phẩm này.
- Nếu gặp sự cố, vui lòng tham khảo mục “giải quyết sự cố”.

Thông báo về bản quyền

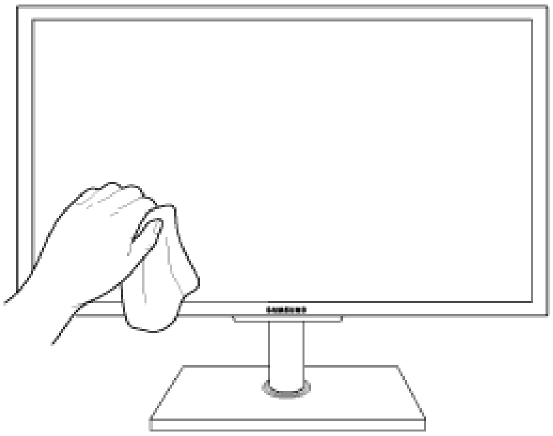
Để cải tiến năng suất sản phẩm, nội dung trong tài liệu hướng dẫn này có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

1-2 Duy tu và Bảo dưỡng

Bảo trì bề mặt ngoài và màn hình

Lau sản phẩm bằng khăn mềm khô.

- Không lau sản phẩm bằng các chất dễ cháy như benzen hoặc dung môi hoặc với khăn ướt.Điều này có thể gây hư hỏng sản phẩm.
- Không cào xước màn hình bằng móng tay hoặc vật sắc nhọn. Điều này có thể gây trầy xước hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Không lau sản phẩm bằng cách phun nước trực tiếp lên sản phẩm.
  Nếu nước chảy vào trong sản phẩm, có thể gây hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Nếu sử dụng máy tạo độ ẩm dùng siêu âm, một vết mờ trắng có thể xuất hiện trên bề mặt của mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao do đặc tính vốn có của vật liệu.



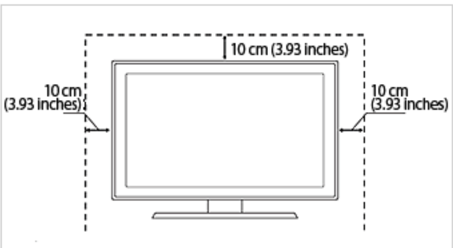
Hình dáng và màu sắc của sản phẩm có thể thay đổi tùy theo mẫu.

Bảo đảm Không gian lắp đặt

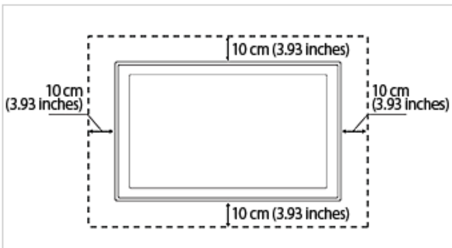
- Giữ khoảng cách cần thiết giữa sản phẩm và các vật khác vd : tường để đảm bảo thông gió hợp lý
  Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm do nhiệt độ bên trong tăng.
  Lắp đặt sản phẩm sao cho có khoảng cách cần thiết như hình vẽ.

Hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.

Khi lắp đặt sản phẩm cùng với chân đế



Khi lắp đặt sản phẩm với một giá treo tường



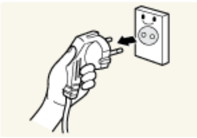
Về hiện tượng lưu ảnh

- Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình.Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.
- Do những ràng buộc kỹ thuật của nhà sản xuất tấm Panel, hình ảnh của sản phẩm có thể sáng hơn hoặc tối hơn bình thường. 1ppm điểm ảnh (pixel) (ppm – một phần triệu).
  Số phân điểm (sub-pixels) của một tấm panel theo kích thước: Số Sub-Pixels = độ phân giải ngang tối đa x độ phân giải dọc tối đa x 3
  Ví dụ) Nếu độ phân giải tối đa là 1680 x 1050, số sub-pixels là 1680 x 1050 x 3 = 5.292.000.

1-3 Vệ sinh màn hình

Vệ sinh màn hình

- Panen và mặt ngoài của màn hình có tính năng vượt trội này dễ bị xước và bạn cần phải cẩn thận khi vệ sinh máy. Vệ sinh màn hình theo các bước sau.



1. Tắt nguồn màn hình và PC.
2. Rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

> Để tránh giật điện, hãy chắc chắn là bạn rút cáp nguồn ra khỏi màn hình bằng cách giữ chặt phích cắm và không sờ vào cáp khi tay bị ướt.

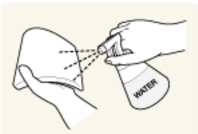


3. Lau màn hình bằng cách dùng mảnh vải mềm ẩm đã được vắt kiệt nước.

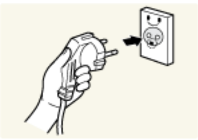




- Không được sử dụng chất tẩy có chứa cồn hoặc dung môi hoặc có hoạt tính bề mặt.
  Nếu không thì mặt ngoài của màn hình có thể mất màu hoặc bị nứt hoặc lớp mạ của panen có thể bị bong ra.
- Không xịt nước hoặc chất tẩy rửa trực tiếp lên màn hình.
  Nếu không, chất lỏng có thể ngấm vào màn hình và gây cháy, giật điện hoặc hỏng hóc.



4. Sử dụng miếng vải mềm có thấm ít nước để lau sạch mặt ngoài của màn hình



5. Kết nối cáp nguồn với màn hình sau khi bạn vệ sinh màn hình xong.
6. Bật nguồn màn hình và PC.

Lưu ý về việc cất giữ sản phẩm

- Sử dụng máy tạo độ ẩm siêu âm có thể tạo ra vết màu trắng trên sản phẩm có độ bóng cao.

> Hãy chắc chắn là bạn liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất (dịch vụ trả tiền) để họ giúp bạn vệ sinh bên trong màn hình.

1-4 Các lưu ý an toàn

Các biểu tượng lưu ý an toàn

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
	Cảnh báo	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong.
	Lưu ý	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.

Ý nghĩa các dấu hiệu

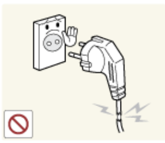
Không được thực hiện.

Phải tuân thủ.

Về nguồn điện

Các hình ảnh sau được dùng để tham khảo và có thể khác đi tùy thuộc vào mẫu sản phẩm và quốc gia.

Cảnh báo



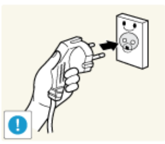
Tránh sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh cắm và rút dây điện bằng tay ẩm ướt.

- Nếu không, có thể gây chập điện.



Hãy chắc chắn rằng đã kết nối dây nguồn với ổ cắm trên tường được nối đất (cách điện chỉ dùng cho sản phẩm loại 1).

- Nếu không, có thể gây ra điện giật hoặc thương tích.



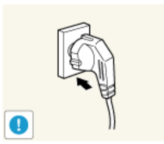
Tránh để dây nguồn và sản phẩm cạnh bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh sử dụng chung nhiều thiết bị điện trên cùng một ổ cắm điện trên tường.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn do ổ cắm trên tường quá nóng.



Gắn phích cắm vào ổ điện một cách chắc chắn.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Tránh uốn hoặc xoắn dây nguồn quá mức và tránh để vật nặng đè lên dây nguồn.

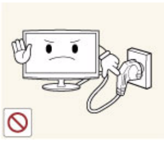
- Nếu không, có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn do dây nguồn bị phá hủy.



Nếu chân ghim của phích cắm hoặc ổ cắm trên tường bị bụi đóng kín, hãy làm sạch bằng một miếng khăn khô.

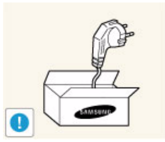
- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Lưu ý



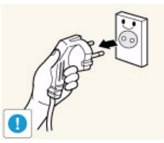
Tránh rút phích cắm khi sản phẩm đang hoạt động.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm do chập điện.



Đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng dây nguồn chính hãng do Samsung cung cấp.Ngoài ra, không sử dụng dây nguồn của thiết bị điện khác.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi rút phích cắm khỏi ổ cắm trên tường, luôn giữ đầu phích cắm để rút ra và tránh nắm dây để rút.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Cắm phích cắm vào ổ cắm trên tường mà bạn dễ dàng với tới.

- Khi sản phẩm bị hư hỏng, bạn phải rút phích cắm ra để cắt điện hoàn toàn.Bạn không thể cắt nguồn điện hoàn toàn chỉ bằng cách nhấn nút nguồn trên sản phẩm.

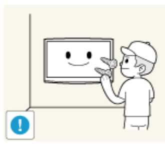
Về lắp đặt

Cảnh báo



Tránh để nến cháy, thuốc xịt muỗi hoặc thuốc lá trên sản phẩm và đặt sản phẩm gần bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Hãy yêu cầu kỹ sư lắp đặt hoặc công ty chuyên ngành lắp đặt sản phẩm lên tường.

- Nếu không, có thể gây ra thương tích.
- Hãy chắc chắn sử dụng đúng loại giá đỡ chuyên dùng để gắn tường.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi kém thông thoáng, ví dụ như trong kệ sách hoặc tủ.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



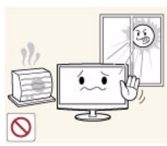
Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi không chắc chắn hoặc rung lắc quá mức, chẳng hạn như trên một kệ nghiêng hoặc không cố định.

- Sản phẩm có thể rơi xuống gây ra hư hỏng hoặc thương tích.
- Nếu bạn đặt sản phẩm ở nơi rung lắc quá mức, điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc hỏa hoạn.



Để các túi nhựa dùng đóng gói sản phẩm tránh xa trẻ em.

- Nếu trẻ em để túi nhựa trùm vào đầu, các em có thể bị ngạt.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi chịu tác động trực tiếp của ánh nắng mặt trời hay nguồn nhiệt như bếp hay lò sưởi.

- Điều này có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở độ cao trẻ em có thể với tới.

- Nếu trẻ em chạm tay vào sản phẩm, sản phẩm có thể rơi xuống và gây ra thương tích.
- Do mặt trước của sản phẩm nặng hơn, hãy lắp đặt nó trên một bề mặt ổn định và phẳng.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở vị trí dễ bắt bụi, ẩm ướt (nhà tắm hơi), dầu, khói hoặc nước (mưa rơi) và lắp đặt sản phẩm trong xe cộ.

- Điều này có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn.



Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Lưu ý



Không để sản phẩm rớt xuống khi di chuyển.

- Điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.



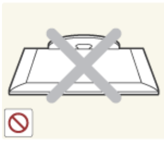
Khi lắp đặt trên tủ đựng tivi hoặc giá sách, hãy chắc chắn phần trước của sản phẩm không nhô ra khỏi tủ đựng tivi hoặc giá sách.

- Nếu không, có thể rơi xuống và gây ra hỏng hoặc thương tích.
- Luôn sử dụng một tủ hoặc giá sách phù hợp với kích thước của sản phẩm.



Nếu sản phẩm được lắp đặt ở vị trí mà các điều kiện vận hành thay đổi đáng kể, chất lượng có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do môi trường xung quanh.Trong trường hợp này, chỉ lắp đặt sản phẩm sau khi tham khảo với một trong số các kỹ sư dịch vụ của chúng tôi về vấn đề này.

- Những chỗ tiếp xúc với bụi cực nhỏ, hóa chất, nhiệt độ quá cao hoặc thấp, độ ẩm cao, chẳng hạn như ở sân bay hoặc nhà ga nơi sản phẩm được sử dụng liên tục trong một thời gian dài v.v...



Không đặt sản phẩm úp xuống sàn nhà.

- Điều này có thể làm hỏng tấm panel của sản phẩm.



Khi đặt sản phẩm xuống, hãy hạ nó một cách nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Về cách sử dụng

Cảnh báo



Sản phẩm sử dụng điện áp cao, không bao giờ được tự ý tháo ráp, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.
- Nếu cần sửa chữa sản phẩm, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.



Nếu sản phẩm phát ra âm thanh lạ, có mùi khét, hoặc khói, lập tức rút phích cắm và liên hệ với trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



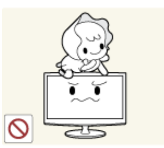
Khi để rơi sản phẩm hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây nguồn.Hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.



Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



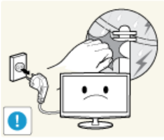
Tránh cho trẻ em treo sản phẩm lên hoặc trèo lên sản phẩm.

- Nếu không, sản phẩm có thể bị rơi xuống gây ra thương tích hoặc tử vong.



Tránh đặt các vật dụng như đồ chơi và bánh kẹo lên trên sản phẩm.

- Đề phòng trường hợp trẻ em đu bám vào sản phẩm để với lấy đồ chơi có thể làm sản phẩm rơi xuống gây ra thương tích hoặc thậm chí tử vong.



Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



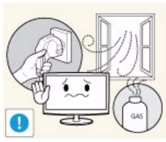
Tránh làm rơi bất kỳ vật nào lên sản phẩm hoặc va đập vào sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



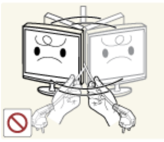
Tránh di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



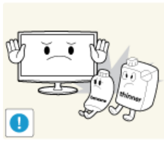
Khi rò rỉ khí, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm và thông gió ngay lập tức.

- Một tia lửa có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



Tránh nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách chỉ nắm dây nguồn hoặc dây tín hiệu.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



Tránh sử dụng hoặc đặt bình xịt hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Điều này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



Chú ý không để khăn trải bàn hoặc rèm cửa làm bít lỗ thông gió.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



Tránh đút các vật dụng kim loại như đũa, tiền đồng hoặc kẹp tóc, hoặc vật dễ cháy vào trong sản phẩm (lỗ thông gió, các cổng, .v.v...).

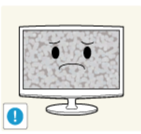
- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.



Tránh đặt các vật chứa chất lỏng như bình, chậu hoa, đồ uống, mỹ phẩm hoặc lọ thuốc, hoặc vật dụng kim loại trên sản phẩm.

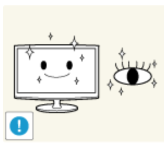
- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.

Lưu ý



Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình.

- Nếu không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.



Điều quan trọng là hãy cho mắt của bạn được nghỉ ngơi (5 phút mỗi giờ) khi theo dõi màn hình quá lâu.

- Điều này giúp dịu cảm giác mỏi mắt.

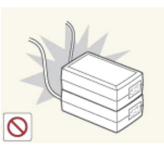


Đặt độ phân giải và tần số thích hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể làm mỏi mắt.



Để các phụ kiện nhỏ tránh xa trẻ em.



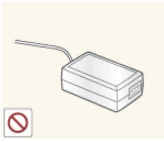
Không đặt các bộ điều hợp nguồn DC cùng nhau.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.



Tránh đặt vật nặng lên trên sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.



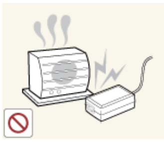
Tháo túi nhựa khỏi bộ điều hợp nguồn DC trước khi bạn sử dụng.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.



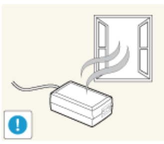
Không để nước rơi vào thiết bị nguồn DC hoặc làm ướt thiết bị.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.
- Tránh sử dụng sản phẩm ngoài trời tại những nơi có thể tiếp xúc với nước mưa hoặc tuyết.
- Cẩn thận để không làm ướt bộ điều hợp nguồn DC khi bạn lau rửa sàn nhà.

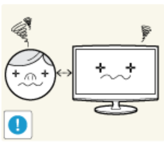


Không đặt bộ điều hợp nguồn DC gần bất kỳ thiết bị sưởi nào.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.



Đặt bộ điều hợp nguồn DC trong khu vực được thông gió tốt.

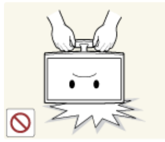


Nhìn vào sản phẩm liên tục ở khoảng cách quá gần có thể gây hại cho thị lực của bạn.



Khi không sử dụng sản phẩm một thời gian dài chẳng hạn như đi xa nhà, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.

- Nếu không, nó có thể bị đóng bụi và gây ra hỏa hoạn do quá nóng hoặc đoản mạch hoặc gây ra chập điện.



Tránh xoay úp mặt trên sản phẩm xuống hoặc chỉ cầm chân đế khi di chuyển sản phẩm.

- Điều này có thể làm rơi sản phẩm gây ra hư hỏng hoặc thương tích.



Tránh sử dụng máy giữ độ ẩm hoặc nồi cơm gần sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không chạm vào sản phẩm vì tấm hiển thị sẽ nóng sau một thời gian dài hoạt động.



Hãy cẩn thận khi điều chỉnh góc sản phẩm hoặc chiều cao chân đế.

- Nếu để bàn tay hoặc ngón tay bị kẹt, bạn có thể bị thương.
- Nếu để sản phẩm nghiêng quá mức, nó có thể rơi xuống và gây ra thương tích.

Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm



Sử dụng sản phẩm với tư thế đúng như sau:

- Giữ lưng thẳng.
- Giữ khoảng cách 45~50 cm (18~20 inch) từ mắt đến màn hình.Nhìn xuống màn hình và ngửa mặt màn hình ra phía trước.
- Điều chỉnh góc sản phẩm sao cho ánh sáng không bị phản chiếu trên màn hình.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý và giữ cho cánh tay nằm ngang với phần sau của tay bạn.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý.
- Đặt thẳng gót chân trên nền nhà trong khi giữ đầu gối tạo thành một góc 90 độ hoặc hơn và duy trì vị trí của cánh tay sao cho nó ở phía dưới trái tim của bạn.

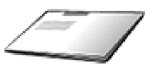
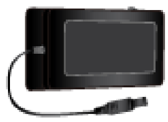
2 Lắp đặt sản phẩm

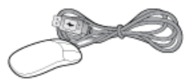
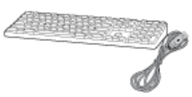
2-1 Phụ kiện trong hộp đựng

- Mở sản phẩm và kiểm tra xem tất cả các thành phần sau có được kèm theo.
- Giữ lại hộp đóng gói phòng trường hợp khi cần di chuyển sản phẩm sau này.
- Nếu thiếu bất kỳ chi tiết nào, xin liên hệ với đại lý.
- Liên hệ với đại lý địa phương để mua các mặt hàng tùy chọn.



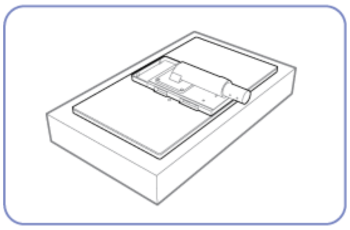
Màn hình

NỘI DUNG			
			
Hướng dẫn cài đặt nhanh	Phiếu Bảo hành (Chỉ có ở một số khu vực)	Tài liệu hướng dẫn sử dụng	Bộ điều hợp nguồn DC
			
Cáp Nguồn	Nền của chân đế		

CÁC PHỤ KIỆN TÙY CHỌN			
			
Cáp mạng LAN	Cáp DVI	Cáp stereo	Chuột (USB)
			
Keyboard (Bàn phím)	Tai nghe	Cáp D-Sub	Cáp USB
			
Cáp RS-232C			

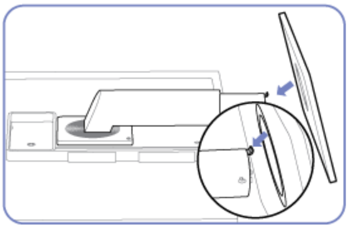
Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

2-2 Lắp đặt chân đế

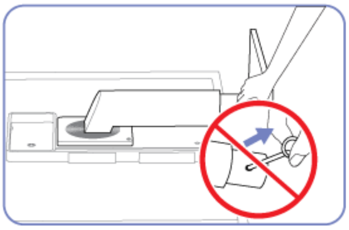


Lót một miếng khăn mềm trên bàn để bảo vệ sản phẩm và để sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.

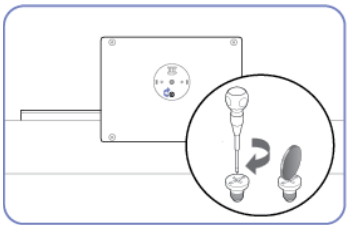
Xoay giá đỡ theo hướng mũi tên chỉ dẫn.



Đặt phần chân đế vào trong phần thân đế theo hướng mũi tên.



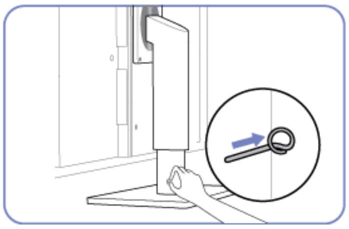
Không tháo dời chốt cố định cho tới khi bạn đã hoàn thành gắn chân đế.



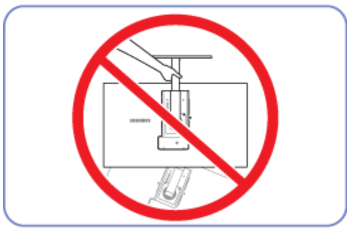
Siết chặt vít vào đáy chân đế.



Sau khi lắp đặt chân đế, hãy đặt sản phẩm thẳng đứng.



Bây giờ bạn có thể tháo chốt cố định để điều chỉnh chân đế.



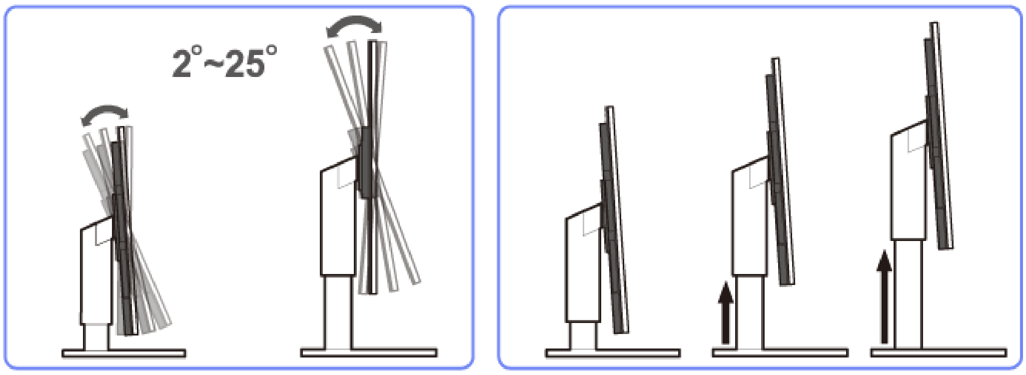
- Lưu ý

Không lộn ngược sản phẩm bằng cách chỉ nắm chân đế.

- Quá trình tháo theo hướng ngược lại với quá trình lắp đặt.
- Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

2-3 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm

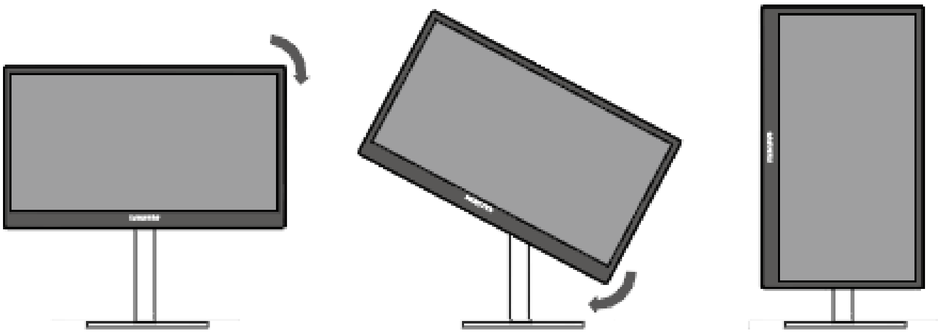
Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



- Để điều chỉnh độ cao, gỡ bỏ chốt định vị.
- Độ nghiêng và độ cao của sản phẩm có thể được điều chỉnh.
- Giữ điểm giữa ở trên đỉnh sản phẩm và điều chỉnh độ cao cẩn thận.

2-4 Xoay màn hình

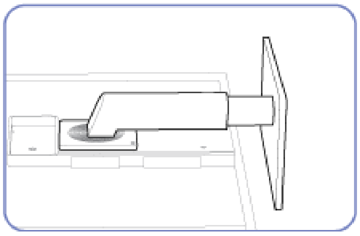
Bạn có thể xoay màn hình như hiển thị dưới đây.



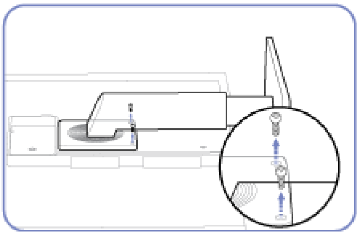
- Hãy chắc chắn nới rộng chân đế hoàn toàn trước khi xoay màn hình.
- Nếu bạn xoay màn hình mà không nới rộng chân đế hoàn toàn, góc màn hình có thể chạm xuống sàn và bị hỏng.
- Không được xoay màn ngược chiều kim đồng hồ. Màn hình có thể bị hỏng.

2-5 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

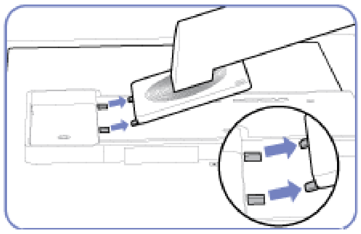
Trước khi lắp đặt



Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

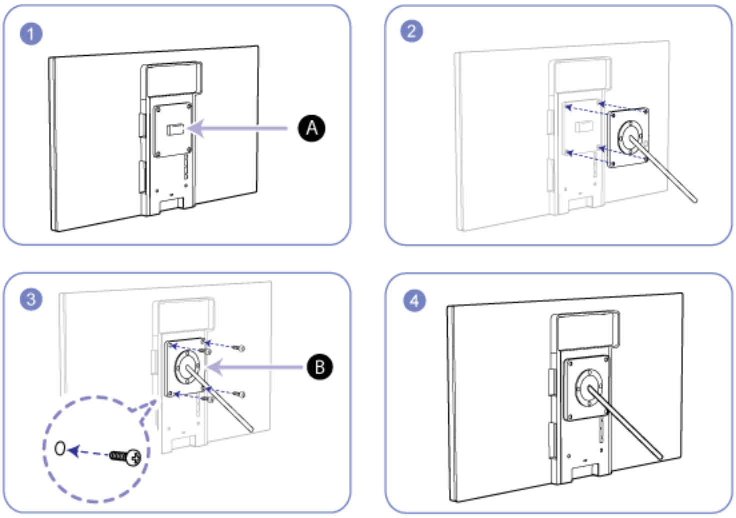


Tháo vít ở mặt sau của sản phẩm.



Nâng và tháo chân đế.

Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn



Ⓐ Gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn

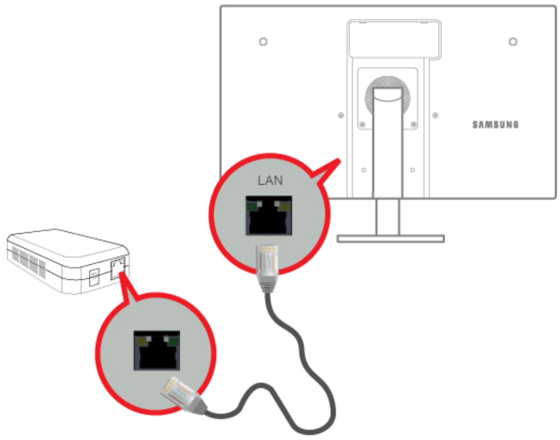
Ⓑ Giá đỡ (bán riêng)

Xếp thẳng rãnh và siết chặt vít trên giá của sản phẩm với những phần còn lại trên giá treo tường hoặc giá trên mặt bàn mà bạn muốn gắn.

- Sử sụng vít dài hơn độ dài tiêu chuẩn có thể làm hỏng những bộ phận bên trong sản phẩm.
- Độ dài của các vít bắt buộc cho một giá treo tường không tuân theo các tiêu chuẩn VESA có thể khác nhau tùy vào các thông số.
- Không sử dụng vít không phù hợp với tiêu chuẩn VESA. Không gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh. Sản phẩm có thể bị hỏng hoặc rơi và gây thương tích. Samsung không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc hoặc thương tích nào gây ra bởi việc sử dụng vít không đúng hoặc gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh.
- Samsung không chịu trách nhiệm về những hỏng hóc đối với sản phẩm hoặc thương tích liên quan đến việc sử dụng giá treo tường khác giá treo tường được chỉ định hoặc do bạn tự lắp đặt giá treo tường.
- Để gắn sản phẩm lên tường, hãy đảm bảo rằng bạn mua giá treo tường có thể được gắn cách tường tối thiểu 10cm.
- Hãy đảm bảo sử dụng bộ giá treo tường tuân theo những tiêu chuẩn này.

2-6 Kết nối với mạng của bạn

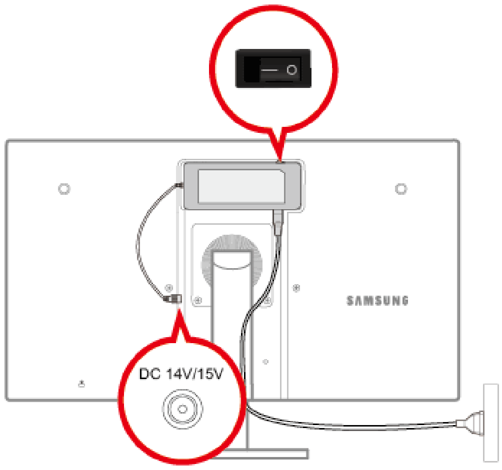
Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.



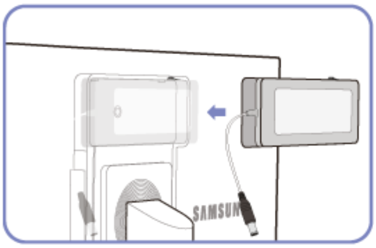
- Sử dụng cáp LAN để kết nối cổng [LAN] trên sản phẩm vào mạng của bạn.

  Hai [LAN] cổng được thiết kế có chức năng như một hub của Internet. Có thể sử dụng một cổng làm đầu vào và một cổng làm đầu ra để kết nối sản phẩm này với thiết bị Internet bên ngoài.

2-7 Kết nối với nguồn

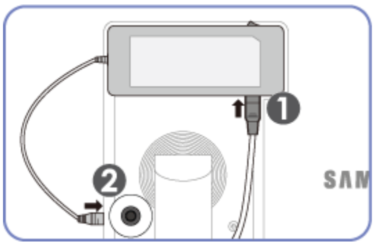


- Để sử dụng màn hình này, hãy nối dây nguồn với ổ cắm và cổng [POWER] trên màn hình.
  (Điện áp vào được chuyển tự động.)

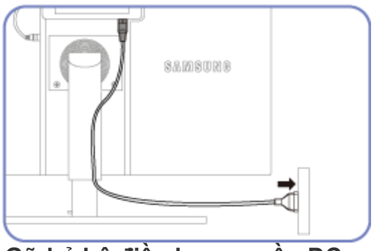


Đặt bộ điều hợp nguồn DC vào rãnh với công tắc hướng lên trên.

- Đẩy bộ điều hợp cho đến khi bạn nghe thấy tiếng “kích.”

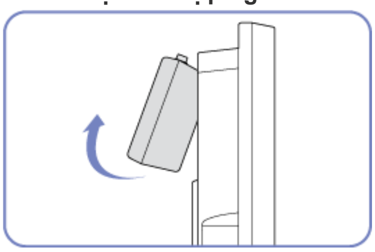


Nối cáp nguồn với bộ điều hợp DC. Tiếp theo, nối bộ điều hợp DC với sản phẩm.



Cắm cáp nguồn vào ổ cắm.

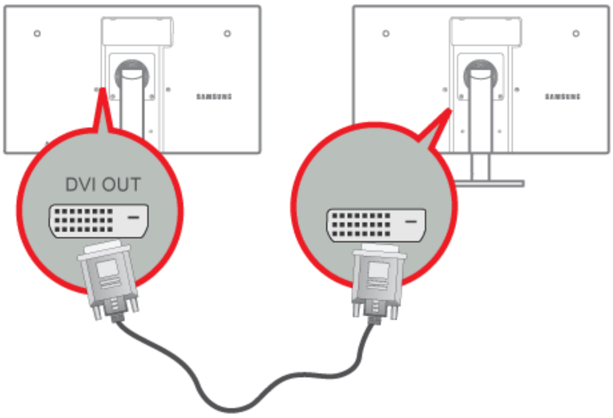
Gỡ bỏ bộ điều hợp nguồn DC



Để tháo bộ điều hợp nguồn DC, hãy nhấc nó ra từ đáy như hình vẽ.

2-8 Kết nối với Màn hình khác

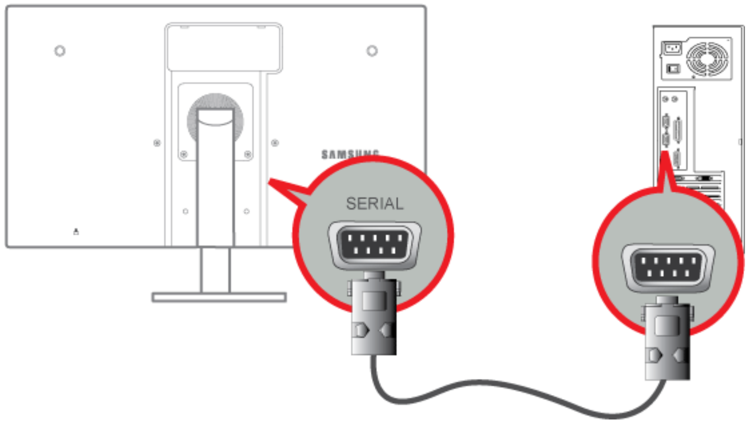
Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.



- Sử dụng cáp DVI để kết nối cổng [DVI OUT] trên sản phẩm và cổng DVI trên màn hình.

Bạn có thể kết nối với nhiều màn hình thông qua [DVI OUT (CỔNG RA DVI)]. (Dùng cho mục đích thuyết trình).

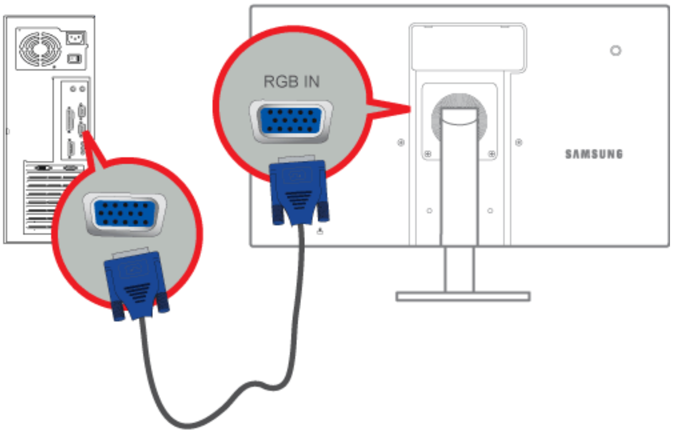
2-9 Kết nối cáp SERIAL



- Có thể kết nối với các thiết bị hỗ trợ kết nối (giao diện) RS-232C.

2-10 Kết nối với máy PC

Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.

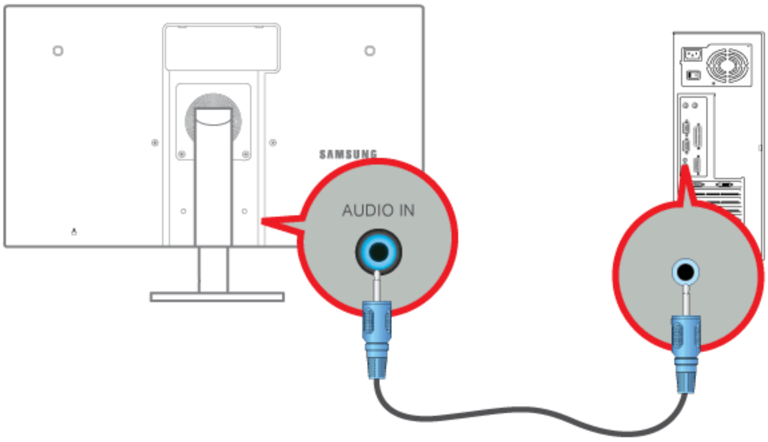


- Kết nối cổng [RGB IN] trên sản phẩm vào cổng D-Sub trên máy PC bằng cáp D-Sub.

  Dùng cổng [RGB IN] để kết nối màn hình trực tiếp vào máy tính.

2-11 Kết nối cáp Stereo

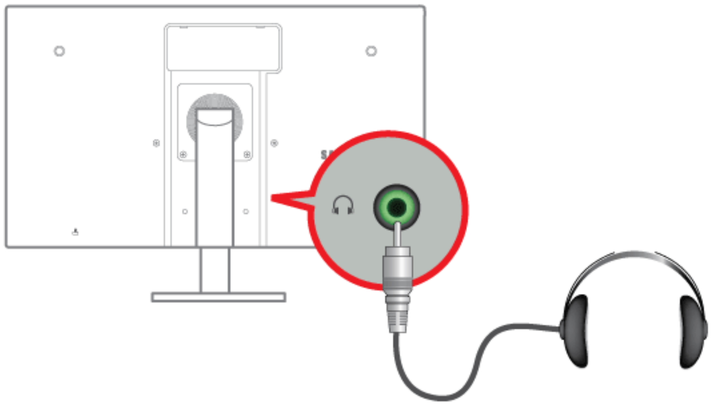
Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.



- Kết nối cổng [AUDIO IN] ở phía sau màn hình vào card âm thanh của máy PC.

2-12 Kết nối với tai nghe

Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.

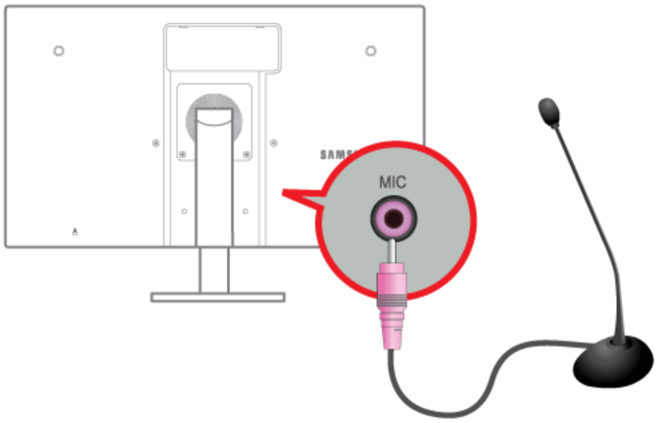


- Kết nối tai nghe của bạn vào đầu cắm tai nghe.

  Bạn có thể kết nối tai nghe của bạn với màn hình.

2-13 Kết nối với MIC

Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.



- Hãy nối dây microphone vào cổng MIC trên màn hình.

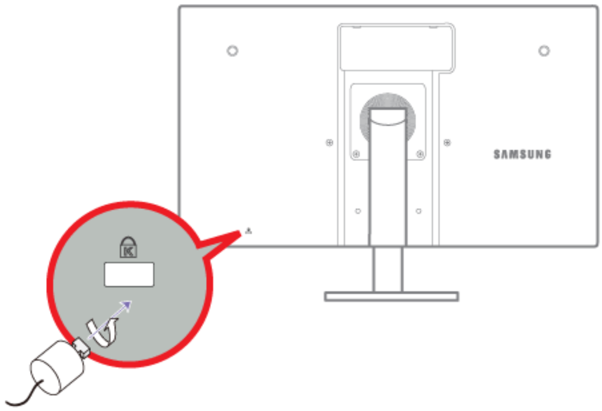
    Bạn có thể kết nối microphone với màn hình.

2-14 Khóa Kensington

Khóa chống trộm cho phép bạn sử dụng sản phẩm một cách an toàn ngay cả ở những nơi công cộng.

Hình dạng thiết bị khóa và cách thức khóa tùy thuộc vào nhà sản xuất. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.

Thiết bị khóa được bán riêng.



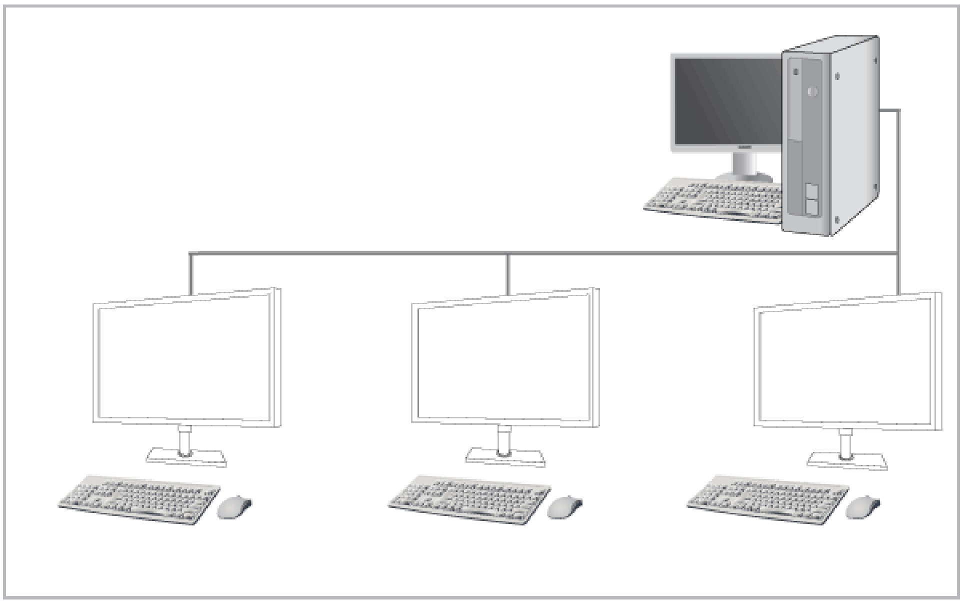
Để khóa thiết bị khóa chống trộm:

1. Cố định cáp của thiết bị khóa chống trộm vào một vật nặng ví dụ như bàn làm việc.
2. Luồn một đầu của cáp qua móc ở đầu kia của cáp.
3. Đặt thiết bị khóa vào bên trong khe khóa chống trộm ở phía sau sản phẩm.
4. Khóa thiết bị khóa.

- Bạn có thể mua riêng thiết bị khóa chống trộm.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa chống trộm tại các cửa hàng bán lẻ đồ điện tử hoặc mua qua mạng.

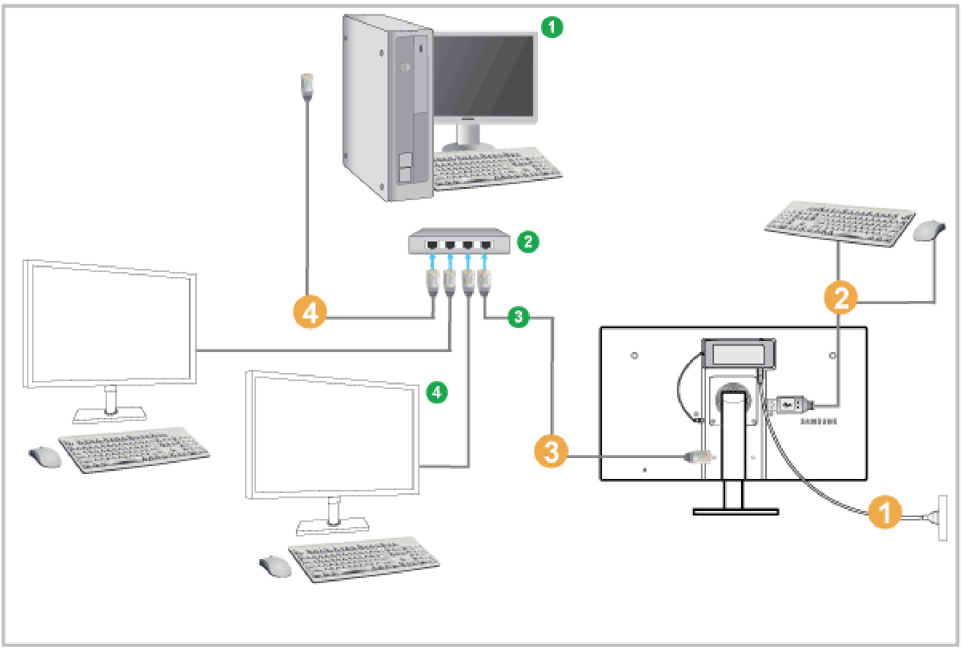
3 Sử dụng sản phẩm

3-1 PC trên IP là gì?



- Màn hình này có thể giải mã và hiển thị màn hình của máy chủ PC đã được mã hóa và truyền qua mạng (LAN) cũng như có thể hiển thị hình ảnh của máy tính giống như một màn hình thông thường.Màn hình này cho thấy khả năng hoạt động tốt hơn nhiều so với một màn hình RDP thông thường và được thiết kế để hỗ trợ độ phân giải 1920*1080 pixel dành cho việc đồ họa chất lượng cao.
- Màn hình này được tăng cường bảo mật vì nó được sử dụng bằng cách kết nối với một máy chủ PC và cho phép người dùng truy cập Internet, tạo ra các tài liệu và chỉnh sửa hình ảnh.Ngoài ra, màn hình với khái niệm mới này cho phép bạn phát nhạc, xem video và chơi game bằng cách kết nối với một thiết bị nguồn bên ngoài như DSC, MP3, thiết bị nhớ ngoài, v.v.. vào cổng USB.
- Bạn có thể sử dụng màn hình này cho nhiều công việc chẳng hạn như hội thảo video và phối hợp làm việc bằng cách hiển thị màn hình mạng trên một thiết bị hiển thị khác thông qua việc kết nối thiết bị đó với DVI OUT.

3-2 Kết nối vào máy PC chủ bằng cáp LAN



❶ **Máy tính chủ** ❷ **Hub** ❸ **Cáp mạng LAN** ❹ **Màn hình**

1. Nối dây điện vào cổng cắm nguồn điện ở mặt sau màn hình.
2. Nối chuột và bàn phím vào các cổng USB.
3. Kết nối vào cổng kết nối mạng LAN ở mặt phía sau của màn hình và cổng hub.
4. Kết nối vào hub và cổng kết nối mạng LAN của máy tính chủ.

Máy tính chủ phải có một địa chỉ IP.

Sau khi kết nối vào mạng LAN và cài địa chỉ IP, bạn có thể xem màn hình máy tính chủ trên màn hình đang mở.

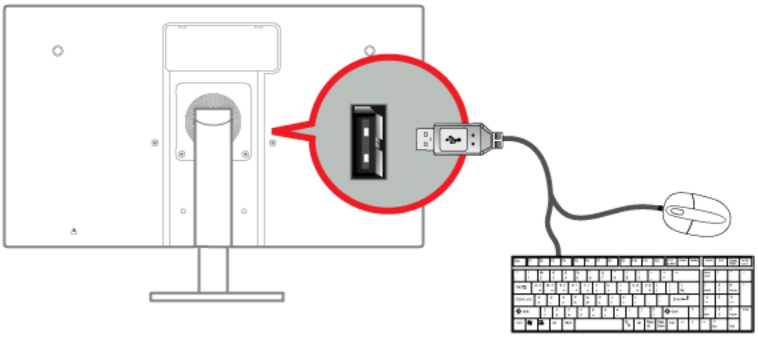
Dùng cổng USB để kết nối vào thiết bị lưu trữ ngoại vi (ví dụ như DSC, máy nghe nhạc MP3, ổ cứng ngoài, v.v…)

Có thể kết nối nhiều thiết bị client đến một Host PC (Máy PC chủ) chỉ khi đã cài đặt giải pháp ảo hoá như vmware trên Host PC.

3-2-1 Kết nối USB

- Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.

- Cổng h̦ trở t́ i Ľa USB 2.0.
  CẸn phΓi co VMware View 4.6 tr̀ l° n. T́ c Ľ̦ truyQn d̦ lí u c· thWb̊ giΓm s¼ t½y thu̦ c v¨ o t³nh trǛng mǛng.

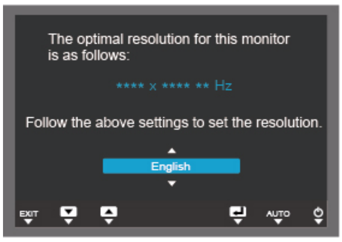


- Kết nối các thiết bị dùng cổng USB như chuột, bàn phím và các thiết bị lưu trữ ngoại vi (ví dụ như DSC (Máy quay phim kỹ thuật số tĩnh), MP3, ổ cứng ngoài, v.v..).

  Bạn có thể dùng các thiết bị có cổng USB như chuột, bàn phím, thẻ nhớ Memory Stick hoặc ổ cứng rời bằng cách kết nối chúng vào cổng USB của màn hình mà không cần phải kết nối chúng vào máy PC. Bạn chỉ có thể kết nối và sử dụng thiết bị USB A USB tại cổng này ở chế độ Client.

3-3 Cắm và Chạy

Nếu mở nguồn điện ngay sau khi mua sản phẩm, một thông báo về thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện trên màn hình. Hãy chọn một ngôn ngữ và độ phân giải tối ưu.



▲/▼ : Bạn có thể chọn một ngôn ngữ bằng những nút sau.

MENU : Khi nhấn nút này, thông báo được tắt đi.

- Thông báo này sẽ xuất hiện tối đa 3 lần nếu độ phân giải chưa được cài đặt tối ưu.
- Thiết lập độ phân giải tối ưu.
  - Khi máy PC đã tắt nguồn, kết nối sản phẩm với máy PC và mở nguồn điện.
  - Nhấn phải chuột trên Desktop và chọn 'Properties (Thuộc tính)' từ menu pop-up (menu sổ xuống).
  - Trong thẻ 'Settings (Thiết lập)', chọn độ phân giải về độ phân giải tối ưu.

3-4 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Không giống như màn hình CDT, màn hình với những đặc tính vốn có của tấm panel nên sẽ có một độ phân giải tối ưu cho chất lượng hình ảnh tốt nhất ứng với kích thước màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình.Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động.Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng.Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ HÓA (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,934	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

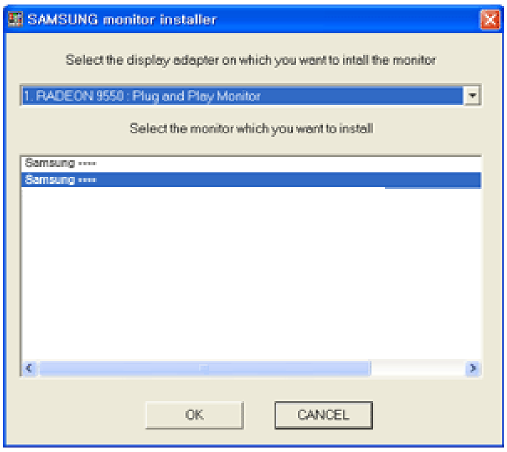
Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh.Tần số này được gọi là tần số quét dọc.Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-5 Cài đặt trình điều khiển thiết bị

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển thiết bị, bạn có thể thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm.Trình điều khiển thiết bị được đóng gói trong CD-ROM đi kèm.Nếu tập tin trình điều khiển đi kèm bị lỗi, vui lòng truy cập trang web trung tâm dịch vụ (http://www.samsung.com/), công ty điện tử Samsung để tải về trình điều khiển.

1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "Windows Driver".
3. Hoàn tất các bước cài đặt còn lại theo các chỉ dẫn hiển thị trên màn hình.
4. Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.

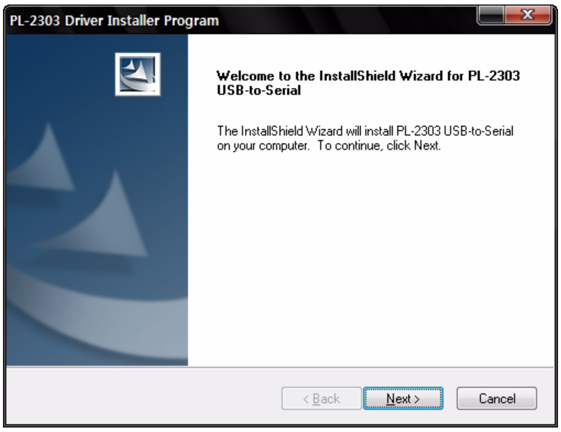


5. Kiểm tra độ phân giải và tần số làm tươi màn hình trong thiết lập Control Panel (Bảng điều khiển).Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo tài liệu về hệ điều hành Windows.

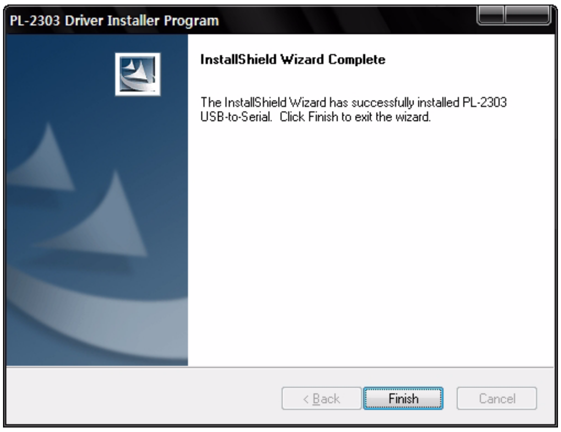
3-6 Cài đặt USB nối với Serial Driver (Trình điều khiển nối tiếp)

Cài đặt trình điều khiển trên máy PC chủ.

1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp chuột vào "USB-SERIAL Driver".
3. Nhấp Next.

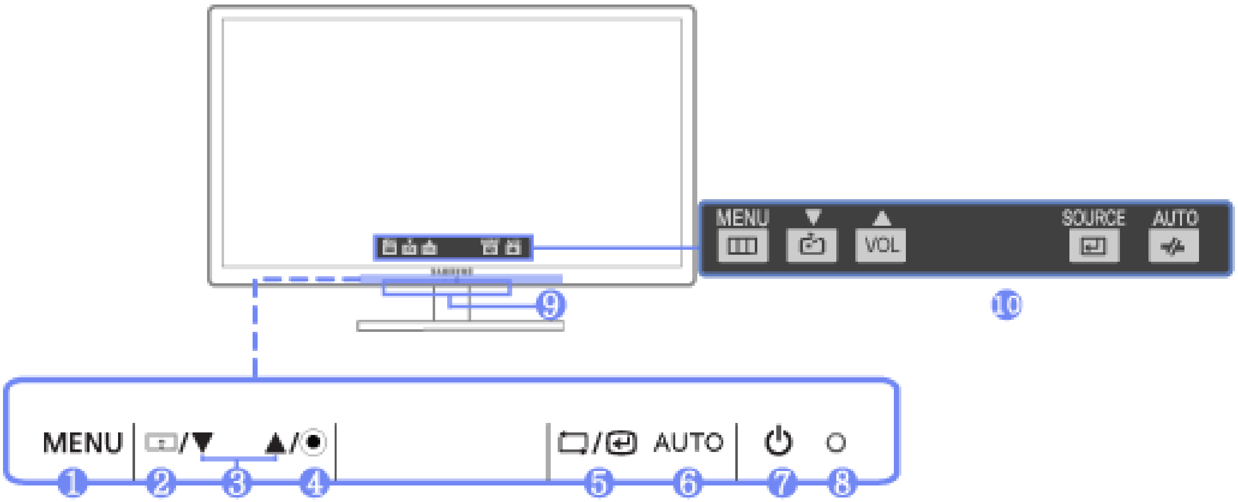


4. Nhấp Finish.



3-7 Các nút điều khiển

Các nút điều khiển



	BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
1	MENU	Nhấn nút này để xem khung điều khiển (OSD). Nút này cũng được sử dụng để thoát OSD hoặc quay về menu OSD cao hơn * Khóa phím Tính năng này khóa các nút ở mặt trước của sản phẩm nhằm ngăn chặn không cho người khác thay đổi cài đặt hiện thời. Khóa: Ấn và giữ nút MENU trong vòng 5 giây. Chế độ khóa phím sẽ bật lên. Mở khóa: Ấn và giữ nút MENU trong vòng 5 giây khi chế độ khóa phím đang bật. Chế độ khóa phím bị tắt đi. Khi chế độ khóa phím đang bật, tất cả các nút ở mặt trước của sản phẩm sẽ bị tắt kích hoạt.
2		Ấn nút này ít nhất trong 2 giây để kết nối với máy PC chủ ở chế độ Máy Khách.Để tắt máy PC chủ, hãy ấn nút trong thời gian hơn 2 giây, trong khi đang kết nối với máy chủ PC.
3	▲/▼	Sử dụng các nút này để di chuyển trên menu hoặc điều chỉnh trị số trong OSD.
4	◉	Khi OSD không xuất hiện trên màn hình, nhấn nút này để điều chỉnh âm lượng.
5	/	Sử dụng nút này để chọn chức năng Nhấn nút [/] để chọn tín hiệu video từ một thiết bị được kết nối khi OSD tắt. (Khi nhấn nút [/] để chuyển đổi chế độ nhận tín hiệu, một thông báo xuất hiện ở góc trái trên của màn hình hiển thị chế độ hiện tại).
6	AUTO	Trong chế độ <Analog>, nút này được sử dụng cho các điều chỉnh tự động. Trong chế độ <Client>, nó được sử dụng để ngắt kết nối đến máy chủ.
7	⏻	Nhấn nút này để tắt hay mở nguồn sản phẩm.
8	○ (Đèn LED nguồn)	Đèn LED này bật sáng khi sản phẩm hoạt động bình thường. Để biết thêm thông tin về chức năng tiết kiệm năng lượng, vui lòng tham khảo chức năng tiết kiệm năng lượng trong More Information (Thông tin thêm).Khi không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy rút dây nguồn theo khuyến cáo để giảm thiểu tiêu hao điện.

	BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
⑨	**Loa**	Nếu chữ thứ 11 của mã mẫu sản phẩm là M, mẫu sản phẩm này có loa trong. Ví dụ LF22NEBHBNMEN
⑩	**OSD Guide**	• Nhấn một trong các nút trên màn hình. OSD Guide sẽ xuất hiện trên màn hình. • Nếu bạn ấn một nút ở phía trước màn hình, OSD Guide sẽ hiển thị cho biết chức năng của nút đó trước khi trình đơn cho nút bạn đã ấn xuất hiện. • Để đi tới trình đơn, hãy ấn nút ở phía trước màn hình một lần nữa. • OSD Guide có thể khác nhau tùy theo tính năng và chế độ. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

3-8 Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD: Khung điều khiển)

Menu điều chỉnh màn hình (OSD: Khung điều khiển) Cấu trúc

MENU CHÍNH	MENU PHỤ				
PICTURE	Brightness	Contrast	Sharpness	SAMSUNG MAGIC Bright	Coarse
	Fine				
COLOR	SAMSUNG MAGIC Color	Red	Green	Blue	Color Tone
	Gamma				
SIZE & POSITION	H-Position	V-Position	Menu H-Position	Menu V-Position	
SETUP&RESET	Reset	Language	Display Time	Menu Transparency	
INFORMATION	-				

Các tính năng màn hình có thể khác nhau đối với các mẫu khác nhau. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

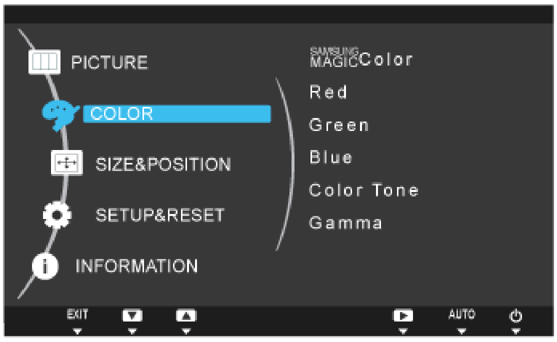
PICTURE



MENU	MÔ TẢ
Brightness	Điều khiển độ sáng của màn hình. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>.
Contrast	Điều chỉnh độ tương phản của các hình ảnh được hiển thị trên màn hình. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Sharpness	Điều chỉnh sự rõ nét của các chi tiết hình ảnh hiển thị trên màn hình. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.

MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Bright	Cung cấp sẵn các thiết lập hình ảnh được tối ưu hóa cho nhiều môi trường làm việc khác nhau như soạn thảo một tài liệu, lướt Internet, chơi game, xem thể thao hoặc phim ảnh v.v... • <Custom> Nếu các chế độ hình ảnh cài đặt sẵn chưa đáp ứng đủ, bạn có thể cấu hình <Brightness> và <Contrast> trực tiếp bằng chế độ này. • <Standard> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho lướt Internet (văn bản + hình ảnh). • <Game> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho chơi game với nhiều chi tiết đồ họa và yêu cầu một tần số làm tươi màn hình nhanh. • <Cinema> Chế độ này cung cấp thiết lập độ sáng và độ sắc nét tương tự như màn hình TV cho môi trường giải trí tốt nhất (phim, DVD, v.v...). • <Dynamic Contrast> Điều chỉnh tự động tương phản hình ảnh sao cho ảnh sáng và tối được cân bằng toàn cục.
Coarse	Loại bỏ nhiễu sọc dọc (nhóm sọc) từ màn hình. Vị trí của màn hình có thể bị thay đổi sau khi điều chỉnh.Trong trường hợp này, dời màn hình sao cho màn hình được hiển thị ở trung tâm bằng cách sử dụng menu <H-Position>. Chức năng này chỉ có ở chế độ <Analog>.
Fine	Loại bỏ nhiễu sọc ngang (nhóm sọc) từ màn hình. Nếu bạn không thể loại bỏ nhiễu hoàn toàn với chức năng <Fine> hãy sử dụng chức năng <Coarse> sau đó sử dụng lại chức năng <Fine>. Chức năng này chỉ có ở chế độ <Analog>.

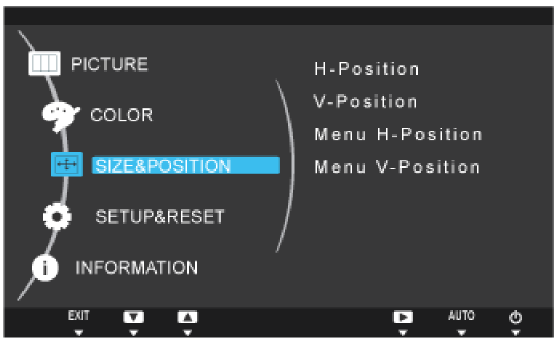
COLOR



MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Color	Biểu thị màu sắc tự nhiên rõ ràng hơn mà không làm biến đổi chất lượng hình ảnh nhờ sử dụng công nghệ cải tiến chất lượng hình ảnh được phát triển bởi công ty điện tử Samsung. • <Off> - Tắt chức năng <SAMSUNG MAGIC Color>. • <Demo> - Bạn có thể so sánh các hình ảnh được xử lý bởi <SAMSUNG MAGIC Color> với các hình ảnh gốc. • <Full> - Cho hình ảnh rõ ràng hơn ở cả những vùng có màu da. • <Intelligent> - Cải thiện độ kết tủa màu ở hình ảnh ngoại trừ những vùng tương xứng với màu da.
Red	Bạn có thể điều chỉnh giá trị sắc đỏ của hình ảnh theo sở thích của mình. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Green	Bạn có thể điều chỉnh giá trị sắc xanh lục của hình ảnh theo sở thích của mình. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Blue	Bạn có thể điều chỉnh giá trị sắc xanh dương của hình ảnh theo sở thích của mình. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Color Tone	Bạn có thể đặt nhiệt độ màu theo sở thích của mình. • <Cool 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất lạnh. • <Cool 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu lạnh. • <Normal> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang nhiệt độ màu chuẩn. • <Warm 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu ấm. • <Warm 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất ấm. • <Custom> - Chọn menu này để đặt nhiệt độ màu bằng tay. Nếu không thích nhiệt độ màu hiện tại, bạn có thể điều chỉnh thủ công giá trị RGB. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Gamma	Sử dụng menu này, bạn có thể thay đổi cường độ của màu sắc ở độ sáng trung bình. • <Mode1> - <Mode2> - <Mode3>

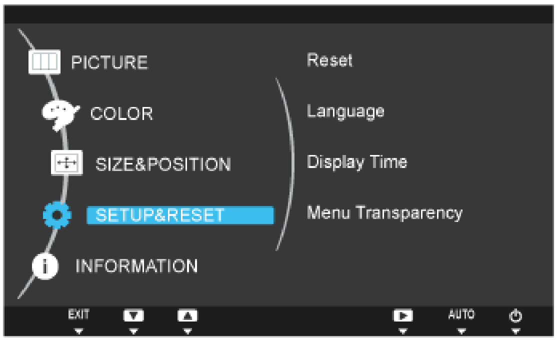
Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>.

SIZE & POSITION



MENU	MÔ TẢ
H-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều ngang. Chức năng này chỉ có ở chế độ <Analog>.
V-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều dọc. Chức năng này chỉ có ở chế độ <Analog>.
Menu H-Position	Bạn có thể điều chỉnh hoành vị của OSD.
Menu V-Position	Bạn có thể điều chỉnh tung vị của OSD.

SETUP&RESET



MENU	MÔ TẢ
Reset	Sử dụng chức năng này để khôi phục các thiết lập chất lượng và màu về các mặc định xuất xưởng. • <No> - <Yes>
Language	Chọn một ngôn ngữ cho OSD. English, Deutsch, Español, Français, Italiano, Magyar, Polski, Português, Русский, Svenska, Türkçe, 日本語, 한국어, 汉语 Ngôn ngữ được lựa chọn chỉ được sử dụng trên OSD của sản phẩm.Sự thiết lập này không ảnh hưởng các chức năng khác của máy PC.
Display Time	OSD tự động ẩn khi không được tác động đến. Bạn có thể chỉ định thời gian chờ trước khi OSD tự tắt. • <5 sec> - <10 sec> - <20 sec> - <200 sec>
Menu Transparency	Bạn có thể lựa chọn OSD trong suốt. • <Off> - <On>

INFORMATION



MENU	MÔ TẢ
INFORMATION	Hiển thị tần số và độ phân giải thiết lập trên máy PC. Đối với những kiểu chỉ có một giao diện Analog, <Analog/Digital> không hiển thị trong mục <Information>.

4 Cài đặt phần mềm

4-1 PCoIP

Menu Hiển thị trên Màn hình (OSD)

OSD giao diện đồ họa (GUI) cục bộ được hiển thị cho người sử dụng khi thiết bị được bật nguồn và phiên PCoIP không hoạt động.

OSD cung cấp một cơ chế để kết nối với thiết bị chủ thông qua Màn hình Kết nối. Màn hình Kết nối được hiển thị đến người dùng lúc khởi động.

Màn hình kết nối cũng cho phép truy cập vào cửa sổ tùy chọn.

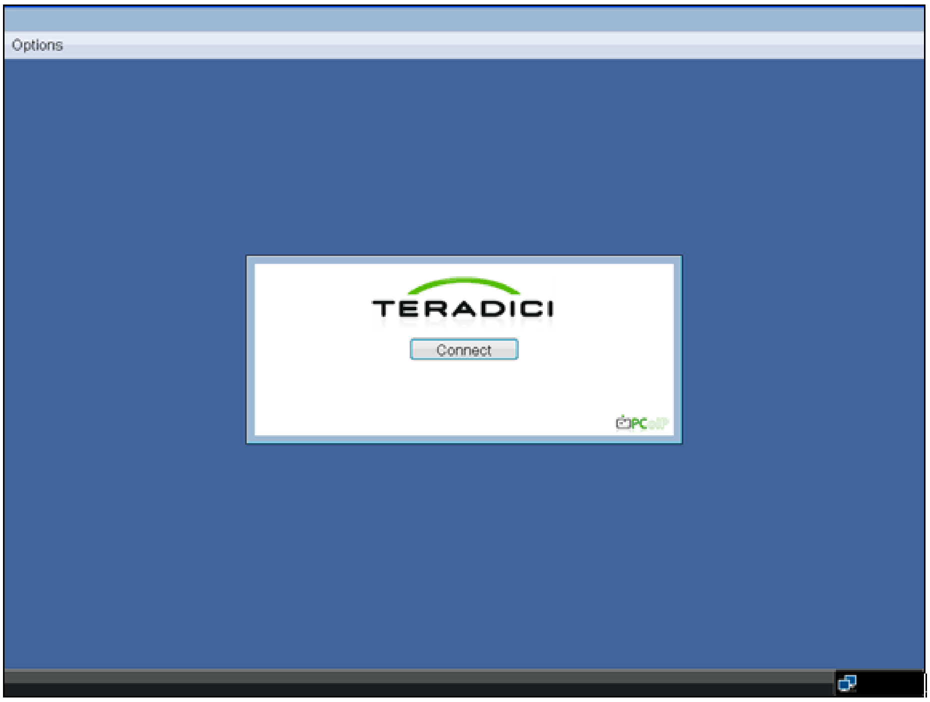
Cửa sổ tùy chọn có thể được truy cập bằng cách bấm nút <Options> trên màn hình kết nối. Một mật khẩu quản trị sẽ được yêu cầu để thay đổi các tùy chọn cho Portal.

Màn ḣnh Kết nối

Màn ḣnh Kết nối sẽ được hiển thị lúc khởi động trừ khi Portal được cấu ḣnh dành cho khởi động được quản lư hay tự động kết nối lại.

Biểu tượng xuất hiện trên nút <Connect> có thể thay đổi bằng cách tải lên một ḣnh ảnh thay thế thông qua giao diện web quản trị.

Hnh 2-1: Màn hnh kết nối OSD



Nút Kết nối

Chọn nút Connect để khởi tạo phiên PCoIP hoặc RDP tùy thuộc cấu hnh phiên. Trong khi kết nối PCoIP đang treo, OSD GUI sẽ hiển thị một thông báo "kết nối đang treo". Khi kết nối được thiết lập, OSD GUI sẽ biến mất và được thay thế bằng hnh ảnh của phiên.

Hình 2-2: Màn hình kết nối OSD (Đang kết nối)



Menu OSD <Options>

Việc chọn menu <Options> sẽ tạo ra một danh sách các lựa chọn. Menu <Options> OSD gồm có:

- <Configuration>
- <Diagnostics>
- <Information>
- <User Settings>
- <Password>

Việc chọn một trong số các lựa chọn này sẽ tạo ra một cửa sổ cài đặt.

Hình 2-3: Menu OSD <Options>



Cửa sổ <Configuration>

<Configuration> cho phép nhà quản trị truy cập vào các thẻ trên cửa sổ với các cài đặt xác định cách Portal hoạt động và tương thích với môi trường của nó.

Các thẻ trong cửa sổ <Configuration> là:

- <Network>
- <Label>
- <Connection Management>
- <Discovery>
- <Session>
- <RDP>
- <Language>
- <OSD>
- <Reset>
- <VMware View>

Mỗi thẻ có các nút <OK>, <Cancel>, và <Apply> cho phép nhà quản trị chấp nhận hoặc hủy các thay đổi cấu hình trên thẻ đó.

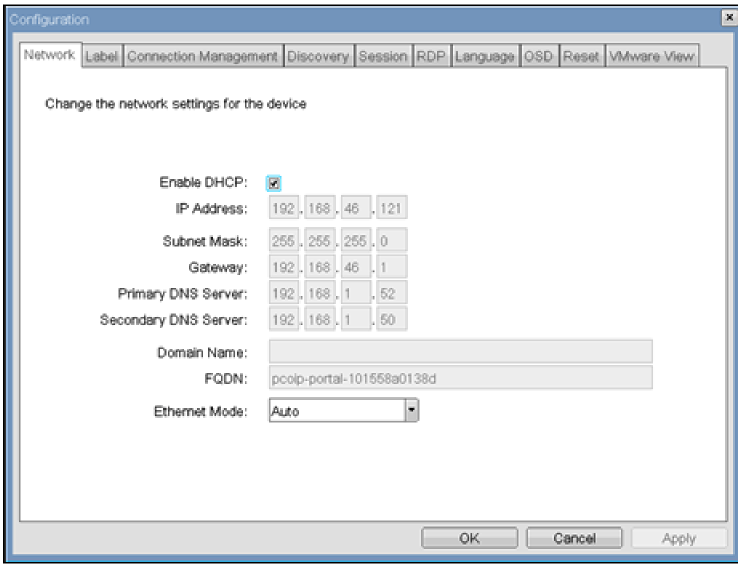
Một vài thiết bị PCoIP đã bị vô hiệu mật khẩu bảo vệ và không yêu cầu mật khẩu đăng nhập vào các trang quản trị hoặc khi truy cập các thông số OSD. Mật khẩu bảo vệ trang đăng nhập và OSD có thể kích hoạt thông qua bảng điều khiển quản trị PCoIP.

Thẻ <Network>

Thẻ <Network> cho phép nhà quản trị thiết lập các tham số của mạng Portal.

Các thông số mạng cũng có thể được cấu hình bằng cách sử dụng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-4: Cấu hình <Network>



- <Enable DHCP>
  Khi <Enable DHCP> được bật, thiết bị này sẽ kết nối với máy chủ DHCP để được gán một địa chỉ IP, subnet mask (mặt nạ mạng con), địa chỉ IP gateway và máy chủ DNS. Khi được tắt, thiết bị sẽ yêu cầu những tham số này được thiết lập thủ công.
- <IP Address>
  Trường Địa chỉ IP này là <IP address> của thiết bị. Nếu DHCP bị tắt, trường này là bắt buộc. Nếu DHCP được bật, thì trường này sẽ không thể chỉnh sửa được. Trường này phải là một địa chỉ IP hợp lệ, và nếu nhập vào một địa chỉ IP không hợp lệ, thì OSD này sẽ nhắc nhà quản trị chỉnh sửa lại.
- <Subnet Mask>
  Trường <Subnet Mask> này là mặt nạ mạng con của thiết bị. Nếu DHCP bị tắt, trường này là bắt buộc.

Nếu DHCP được bật, thì trường này sẽ không thể chỉnh sửa được. Trường này phải là một subnet mask hợp lệ, và nếu nhập vào một subnet mask không hợp lệ, OSD này sẽ nhắc nhà quản trị chỉnh sửa lại.

- <Gateway>
  Trường <Gateway> này là địa chỉ IP gateway của thiết bị. Nếu DHCP bị tắt, trường này là bắt buộc. Nếu DHCP được bật, thì trường này sẽ không thể chỉnh sửa được.
- <Primary DNS Server>
  Trường <Primary DNS Server > này là địa chỉ IP DNS chính của thiết bị. Trường này là tùy chọn. Nếu DHCP được bật, thì trường này sẽ không thể chỉnh sửa được.
- <Secondary DNS Server>
  Trường <Secondary DNS Server> này là địa chỉ IP DNS phụ của thiết bị. Trường này là tùy chọn. Nếu DHCP được bật, thì trường này sẽ không thể chỉnh sửa được.
- <Domain Name>
  <Domain Name> là tên miền được sử dụng, ví dụ ‘domain.local’. Trường này là tùy chọn. Trường này chỉ ra tên miền mà Host hay Portal hiện diện.
- <FQDN>
  <FQDN> là tên miền đã được chứng nhận đầy đủ cho Host hoặc Portal. Giá trị mặc định là pcoip-host-MAC hoặc pcoip-portal-MAC với MAC là địa chỉ MAC của Host hoặc Portal. Nếu được sử dụng, tên miền sẽ được thêm vào cuối, ví dụ pcoip-host-MAC.domain.local.
- <Ethernet Mode>
  Trường <Ethernet Mode> này cấu hình chế độ Ethernet của Portal. Các tùy chọn là:
  - <Auto>
  - <10 Mbps Full-Duplex>
  - <100 Mbps Full-Duplex>

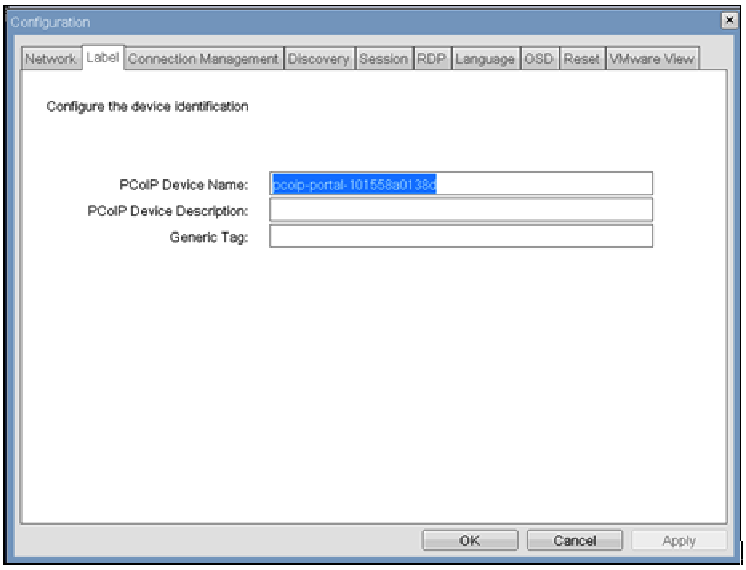
  Nhà quản trị phải luôn đặt chế độ <Ethernet Mode> là <Auto> và chỉ dùng tốc độ <10 Mbps Full-Duplex> hoặc <100 Mbps Full-Duplex> khi có một thiết bị mạng khác, ví dụ như switch, cũng được cấu hình để hoạt động ở tốc độ <10 Mbps Full-Duplex> hoặc <100 Mbps Full-Duplex>.

Thẻ <Label>

Thẻ <Label> cho phép nhà quản trị cài đặt thêm thông tin cho Host hoặc Portal.

Các thông số Label của Portal cũng có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-5: Cấu hình <Label>



- <PCoIP Device Name>
  Tên thiết bị <PCoIP Device Name> cho phép nhà quản trị gán cho Host hoặc Portal một tên logic. Giá trị mặc định là pcoip-host-MAC hoặc pcoip-portal-MAC với MAC là địa chỉ MAC của Host hoặc Portal.

- <PCoIP Device Description>
  Mô tả thiết bị <PCoIP Device Description> cho phép nhà quản trị tạo cho Host hoặc Portal một nội dung mô tả hoặc thông tin bổ sung, ví dụ vị trí của endpoint, v.v.
- <Generic Tag>
  Thẻ <Generic Tag> cho phép nhà quản trị tạo cho Host hoặc Portal một thẻ thông tin chung.

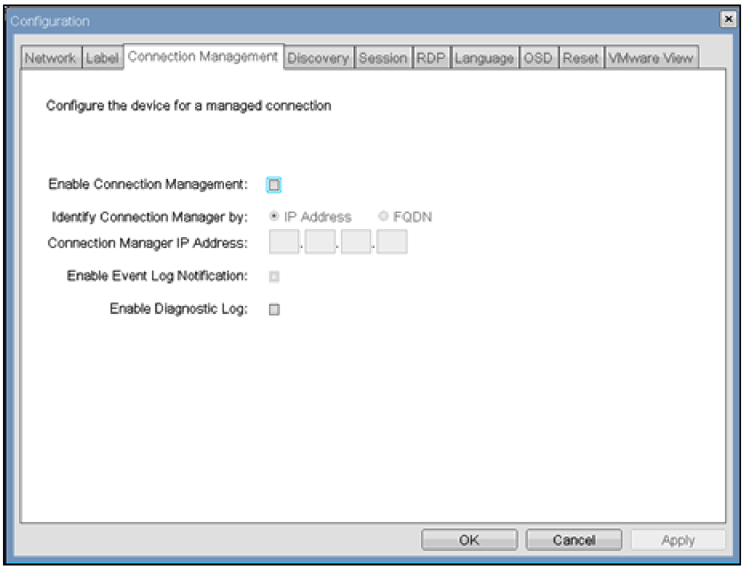
Thẻ <Connection Management>

Thẻ <Connection Management> này cho phép bật hoặc tắt việc quản lư kết nối, và dùng để xác định địa chỉ IP của tŕnh quản lư kết nối.

Trong một kết nối được quản lư, một Máy chủ <Connection Managerment> bên ngoài sẽ liên lạc, điều khiển cũng như cấu h́nh từ xa cho thiết bị. Ngoài ra, tŕnh quản lư kết nối có thể định vị một thiết bị ngang hàng thích hợp để cho thiết bị có thể kết nối đến, và khởi tạo việc kết nối. <Connection management> có thể đơn giản hóa tối đa khả năng quản trị một hệ thống lớn, phức tạp.

Các thông số quản trị kết nối cũng có thể được cấu h́nh bằng giao diện quản trị trang web.

H́nh 2-6: Thẻ <Connection Management>



- <Enable Connection Management>
  Nếu tùy chọn <Enable Connection Management> được bật, thiết bị có thể được cấu h́nh và điều khiển bằng một tŕnh điều khiển kết nối bên ngoài.
- <Identify Connection Manager By>
  Công cụ chọn <Identify Connection Manager By> cho phép nhà quản trị chọn xem trình quản lý kết nối có được nhận dạng bằng <IP address>, hoặc bằng Tên miền Hoàn toàn Hợp lệ (FQDN). Nếu việc quản lư kết nối bị tắt, trường này sẽ không bắt buộc và không chỉnh sửa được.
  Bảng 2-1 tŕnh bày các thông số cấu h́nh sẵn khi có một phương pháp được chọn. Nếu nhập địa chỉ IP hay tên miền DNS không phù hợp, màn h́nh OSD sẽ nhắc nhà quản trị hiệu chỉnh lại.

Bảng 2-1: Phương pháp quản trị kết nối

PHƯƠNG PHÁP	CÁC TRƯỜNG DỮ LIỆU
<IP address>	Địa chỉ IP quản trị kết nối
<FQDN>	Tên DNS quản trị kết nối

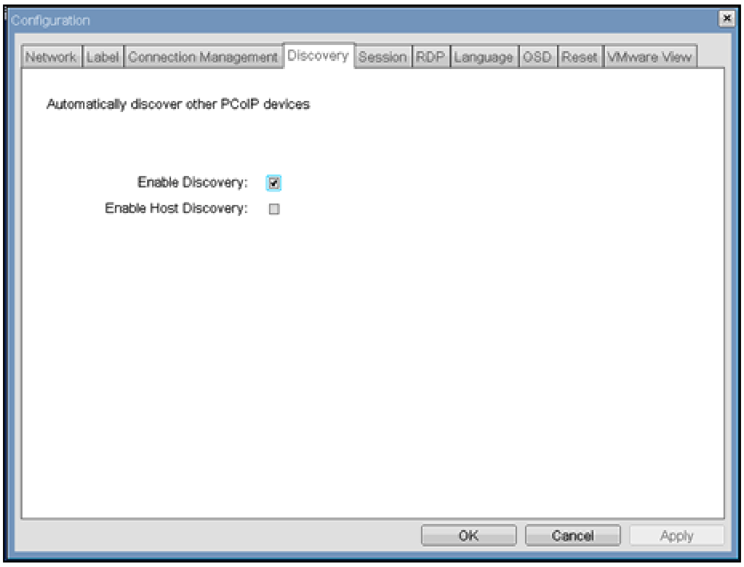
- <Enable Event Log Notification>
  Trường <Enable Event Log Notification> kiểm soát việc các thiết bị PCoIP Host và Portal gửi nội dung nhật kư sự kiện đến máy chủ quản trị kết nối.
- <Enable Diagnostic Log>
  Trường <Enable Diagnostic Log> kiểm soát các bản tin ḍ lỗi quản trị kết nối được cập nhật vào nhật kư sự kiện của các thiết bị PCoIP Host và Portal.

Thẻ <Discovery>

Thẻ cấu hình <Discovery> cho phép sử dụng các tính năng để đơn giản hóa việc khám phá Portals trong một hệ thống PCoIP.

Các thông số Discovery có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-7: Cấu hình <Discovery>



- <Enable Discovery>
  Nếu tùy chọn <Enable Discovery> được bật, thiết bị sẽ tự động khám phá các thiết bị đồng đẳng bằng cách sử dụng SLP Discovery, mà không cần biết vị trí của chúng trong hệ thống mạng. Việc này có thể làm giảm đáng kể việc phải cấu hình và bảo dưỡng đối với các hệ thống phức tạp.

  Dịch vụ phát hiện SLP đi hỏi các router được cấu hình cho phép quảng bá, và do đó cơ chế phát hiện DNS-SRV là cơ chế phát hiện được khuyến cáo.

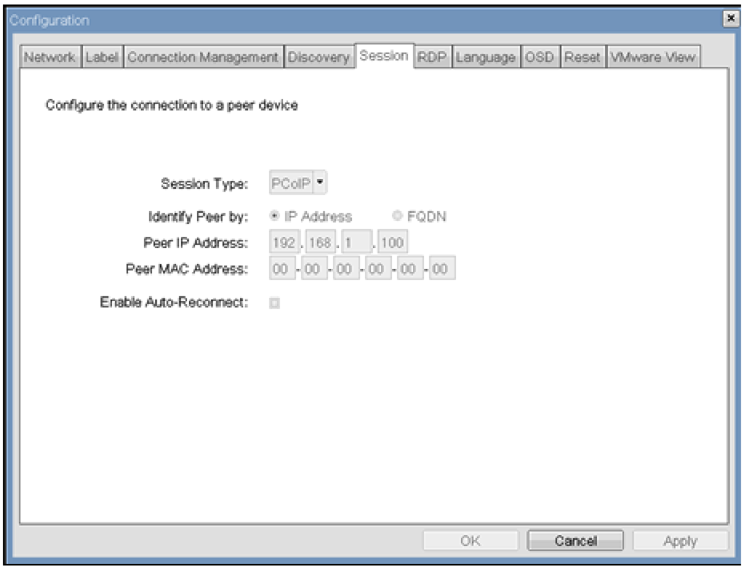
- <Enable Host Discovery>
  Tính năng <Enable Host Discovery> cho phép Portal khám phá các Host không nằm trong phiên PCoIP.
  Khi được bật, Portal sẽ có thể hiển thị đến 10 host với mục đích để khám phá chúng. Người dùng hy vọng rằng tính năng <Enable Host Discovery> sẽ được sử dụng với số lượng Host nhỏ.

Thẻ <Session>

Thẻ <Session> cho phép một nhà quản trị cấu hình cách mà thiết bị kết nối với thiết bị đồng đẳng.

Các thông số phiên có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-8: Cấu hình <Session>



- <Session Type>
  Kiểu phiên <Session Type> cho phép nhà quản trị cấu hình Portal cho một phiên PCoIP hoặc RDP.
- <Identify Peer By>
  Công cụ chọn <Identify Peer By> cho phép nhà quản trị chọn thiết bị ngang hàng được nhận dạng bằng địa chỉ IP và MAC, hay bằng Tên Miền đạt Yêu cầu (FQDN).
  Bảng 2-2 trình bày các thông số nhận dạng đồng đẳng sẵn có khi có phương pháp nào được chọn. Nếu nhập địa chỉ IP hay tên miền DNS không phù hợp, màn hình OSD sẽ nhắc nhà quản trị hiệu chỉnh lại.

Bảng 2-2: Các phương pháp nhận dạng đồng đẳng

PHƯƠNG PHÁP NHẬN DẠNG ĐỒNG ĐẲNG	CÁC TRƯỜNG DỮ LIỆU	CHÚ THÍCH
IP/MAC đồng đẳng	Địa chỉ IP đồng đẳng	Máy khách PCoIP hoặc Portal RDP
	Địa chỉ MAC đồng đẳng	PCoIP
FQDN đồng đẳng	FQDN đồng đẳng	Máy khách PCoIP hoặc Portal RDP

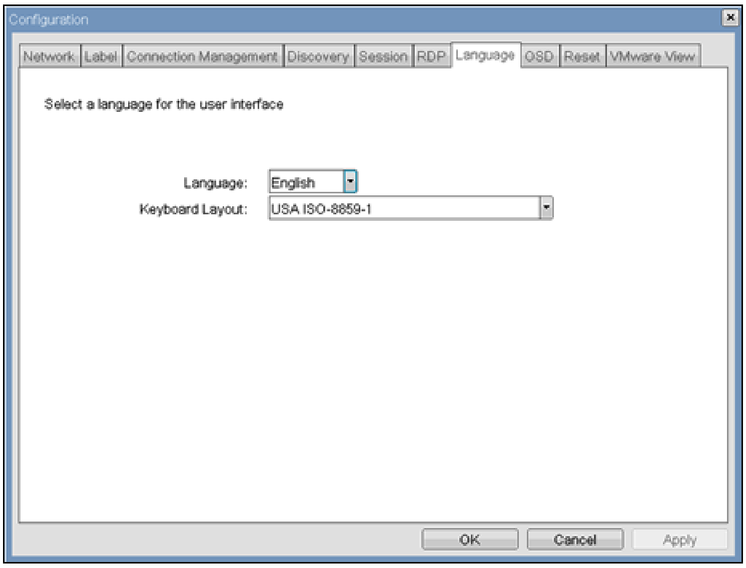
- <Enable Auto-Reconnect>
  Tùy chọn <Enable Auto-Reconnect> cho phép Portal tự động kết nối lại với Host được kết nối gần nhất khi có một phiên bị mất.

Thẻ <Language>

Trường <Language> cho phép nhà quản trị cài đặt ngôn ngữ sử dụng cho OSD.

Các thông số ngôn ngữ cũng có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-9: Cấu hình <Language>



<Language>

Bạn có thể sử dụng trường<Language> để cấu hính ngôn ngữ cho nội dung hiển thị trên màn hính và các thông điệp từ bản ghi các sự kiện.

<Keyboard Layout>

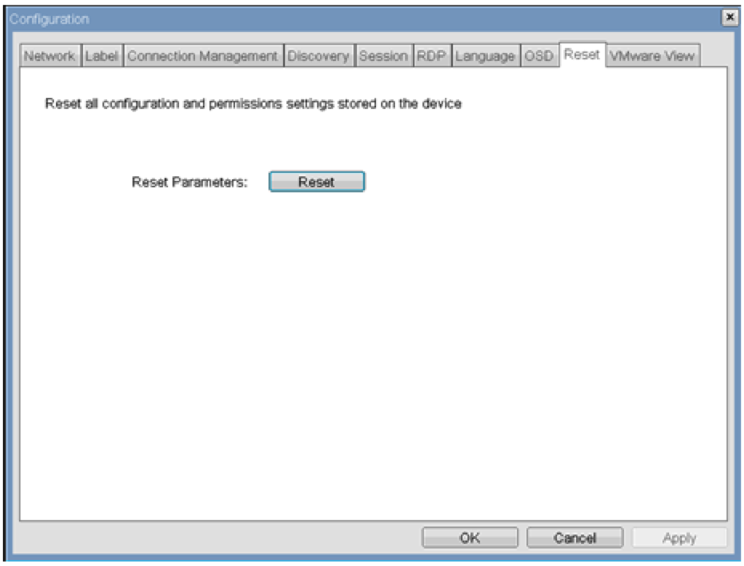
Trường <Keyboard Layout> cho phép nhà quản trị thay đổi cách bố trí bàn phím.

Thẻ <Reset>

Thẻ <Reset> cho phép nhà quản trị thiết lập lại tất cả các thông số có thể cấu hính được đã lưu trong bộ nhớ flash.

Thẻ Reset có thể được cấu hính bằng giao diện quản trị trang web.

Hính 2-10: <Reset>



<Reset Parameters>

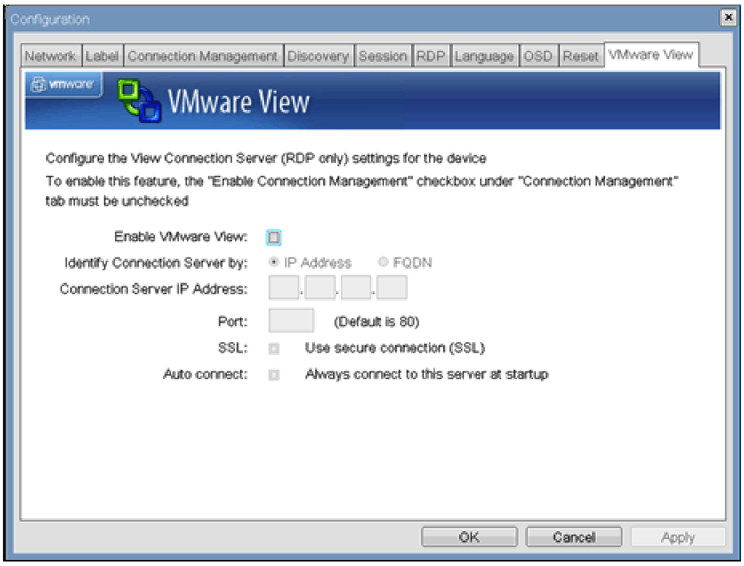
Nút <Reset Parameters> <Reset> thiết lập lại tất cả các cấu hính và cho phép trả lại các giá trị mặc định từ nơi sản xuất.

Thẻ <VMware View>

Thẻ <VMware View> cho phép cấu hình để sử dụng máy chủ kết nối VMware View.

Các thông số VMware View có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-11: Cấu hình <VMware View>



<Enable VMware View>

Khi tùy chọn <Enable VMware View> được kích hoạt, các Portal có thể được cấu hình để sử dụng với máy chủ kết nối VMware View.

Để bật tính năng VMware View, bạn phải bỏ dấu chọn ở hộp đánh dấu <Connection Management> trên tab <Enable Connection Management>.

<Identify Connection Server by>

Công cụ chọn <Identify Connection Server by> cho phép nhà quản trị chọn là trình quản lư kết nối được nhận dạng bằng địa chỉ IP hoặc bằng tên miền đã được chứng nhận đầy đủ (FQDN). Nếu VMware View bị tắt, trường này sẽ không bắt buộc và không chỉnh sửa được.

<Port>

Thông số <Port> cho phép nhà quản trị chỉ định port được sử dụng để giao tiếp với máy chủ kết nối VMware View.

<SSL>

Thông số <SSL> cho phép nhà quản trị chỉ định <SSL> để giao tiếp với máy chủ kết nối VMware View.

<Auto connect>

Thông số <Auto connect> cho phép nhà quản trị chỉ định Portal luôn tự động kết nối với máy chủ kết nối VMware View khi khởi động.

Cửa sổ <Diagnostics>

Cửa sổ <Diagnostics> cho phép nhà quản trị truy cập vào các thẻ cửa sổ phân tích có liên quan đến Portal. Các thẻ trong cửa sổ <Diagnostics> là:

- <Event Log>
- <Session Statistics>
- <PCoIP Processor>

• <Ping >

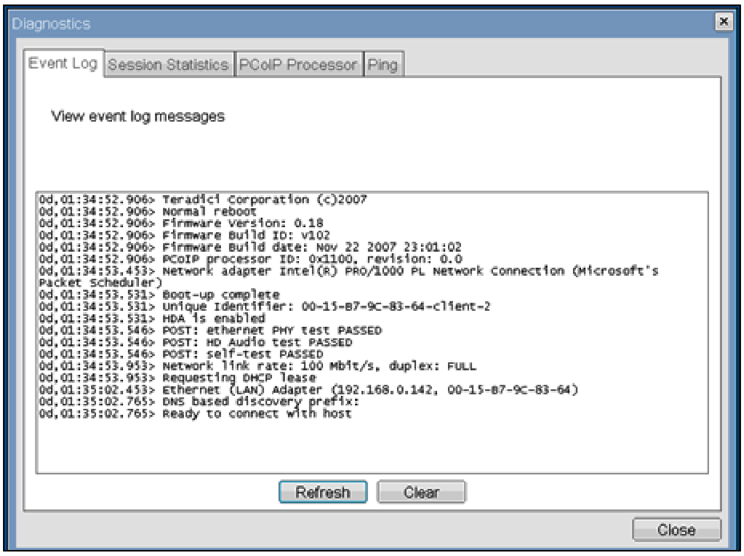
Mỗi thẻ có một nút Close riêng để đóng cửa sổ.

Thẻ <Event Log>

Thẻ <Event Log> cho phép nhà quản trị xem và xóa các thông báo nhật kư sự kiện của Portal.

Bạn cũng có thể bật <Event Log> bằng cách sử dụng Giao diện Quản trị Trang web.

Hình 2-12: <Event Log>



<View event log messages>

Trường <View event log messages> hiển thị các thông báo nhật kư với thông tin về thời gian. Đã có sẵn 02 nút.

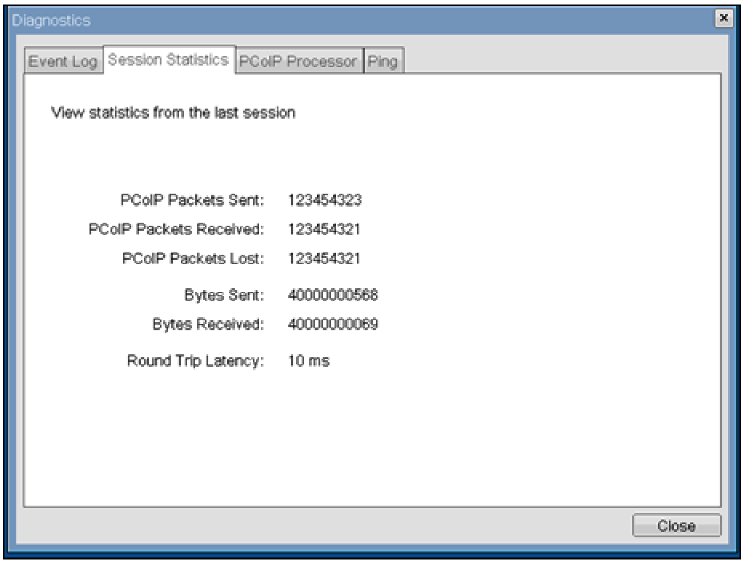
- <Refresh>
  Chọn nút <Refresh> để làm mới lại các thông báo nhật kư sự kiện đã được hiển thị.
- <Clear>
  Chọn nút <Clear> để xóa tất cả các thông báo nhật kư về sự kiện đã được hiển thị.

Thẻ <Session Statistics>

Thẻ <Session Statistics> cho phép nhà quản trị xem thống kê của phiên PCoIP-chỉ định cho phiên PCoIP sau cùng được kích hoạt trên Portal.

<Bạn cũng có thể xem <Session Statistics> bằng cách sử dụng Giao diện Quản trị Trang web.

Hình 2-13: <Session Statistics>



<PCoIP Packets Statistics>

- <PCoIP Packets Sent>
  Trường <PCoIP Packets Sent> báo cáo tổng số các gói dữ liệu PCoIP được gửi từ Portal đến Host trong phiên kích hoạt sau cùng.
- <PCoIP Packets Received>
  Trường <PCoIP Packets Received> báo cáo tổng số các gói dữ liệu PCoIP đã nhận được từ Host đến Portal trong phiên kích hoạt sau cùng
- <PCoIP Packets Lost>
  Thẻ <PCoIP Packets Lost> cho biết tổng số các gói PCoIP bị mất trong phiên kích hoạt sau cùng.

<Bytes Statistics>

- <Bytes Sent>
  Thẻ <Bytes Sent >báo cáo tổng số byte đã được gửi trong phiên kích hoạt sau cùng.
- <Bytes Received>
  Thẻ <Bytes Received> báo cáo tổng số byte đã nhận được trong phiên kích hoạt sau cùng.

<Round Trip Latency>

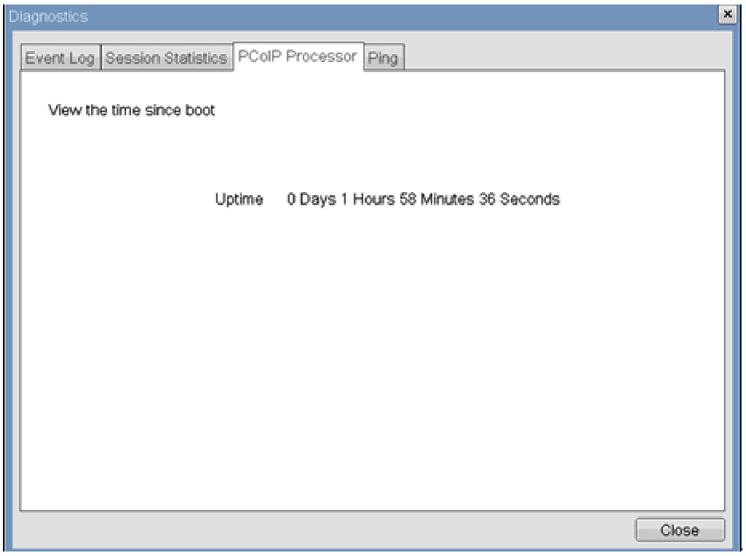
Trường <Round Trip Latency> báo cáo tổng số lần di chuyển của toàn bộ hệ thống PCoIP (ví dụ: từ Portal đến Host và ngược lại về Portal) và độ trễ mạng theo mi-li giây (+/- 1 ms).

Thẻ <PCoIP Processor>

Thẻ <PCoIP Processor> cho phép nhà quản trị xem thời gian làm việc của bộ xử lư Portal PCoIP từ lần khởi động cuối cùng.

Thẻ thời gian làm việc <PCoIP Processor> có thể được cấu h́nh bằng giao diện quản trị trang web.

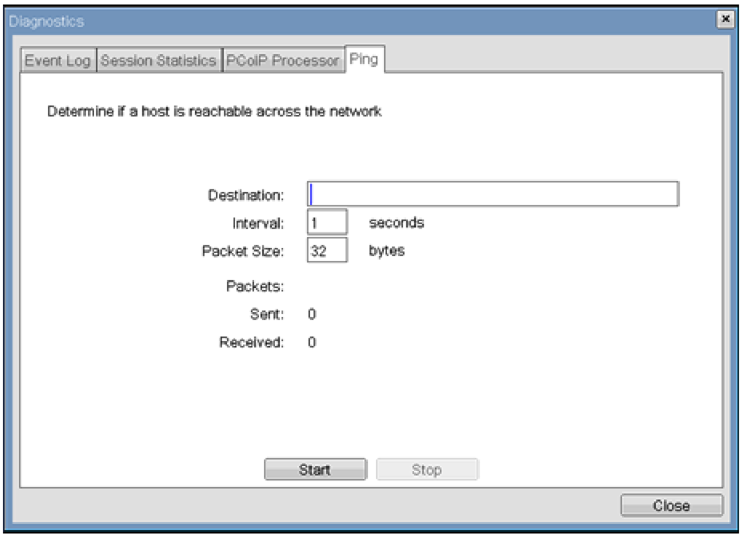
Hính 2-14: <PCoIP Processor>



Thẻ <Ping>

Thẻ <Ping> cho phép nhà quản trị dùng ping một thiết bị để xem có thể truy cập vào thiết bị đó được không thông qua địa chỉ IP mạng. Việc này có thể hữu dụng để xác định xem một Host có thể truy cập được không.

Hình 2-15: <Ping >



Các cài đặt Ping

- <Destination>
  Địa chỉ IP hoặc ping FQDN
- <Interval>
  Thời gian gián đoạn giữa các gói dữ liệu ping
- <Packet Size>
  Kích thước của gói dữ liệu ping

Các gói dữ liệu

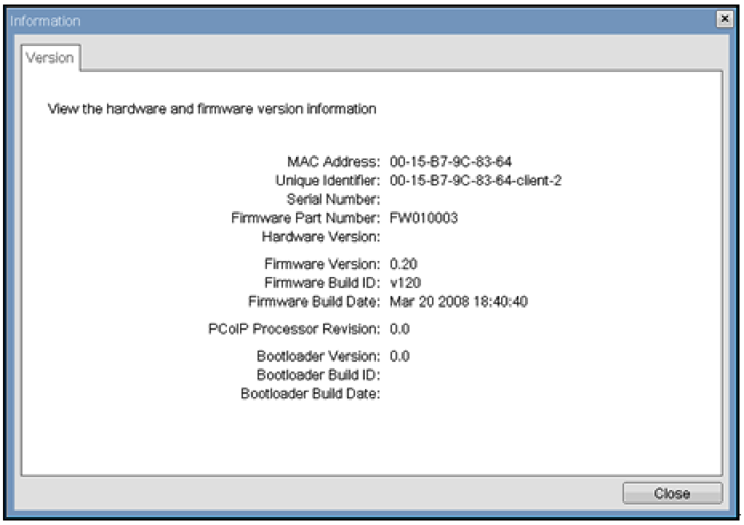
- <Sent>
  Số các gói dữ liệu ping đã được gửi
- <Received>
  Số các gói dữ liệu ping đã nhận được

Cửa sổ <Information>

Cửa sổ <Information> cho phép nhà quản trị truy cập vào thẻ phiên bản có chứa thông tin về thiết bị.

Thông tin phiên bản có thể được xem bằng giao diện quản trị trang web.

Hình 2-16: <Version>



Thông tin VPD

Dữ liệu Quan trọng về Sản phẩm (VPD) là thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất để từ đó có thể nhận dạng được mỗi Portal hay Host.

- <MAC Address>
  Địa chỉ MAC duy nhất <MAC address> của Portal
- <Unique Identifier>
  Công cụ nhận dạng Portal duy nhất
- <Serial Number>
  Số serial duy nhất của Portal
- <Firmware Part Number>
  Số phụ kiện của PCoIP firmware
- <Hardware Version>
  Số phiên bản phần cứng của Portal

Thông tin về Phần mềm của Nhà sản xuất

Thẻ <Firmware Information> cho biết chi tiết về firmware hiện hành của PcoIP.

- <Firmware Version>
  Phiên bản firmware hiện hành của PCoIP
- <Firmware Build ID>
  Mã kiểm soát firmware hiện hành của PCoIP
- <Firmware Build Date>
  Ngày sản xuất của firmware hiện hành của PcoIP

<PCoIP Processor Revision>

Trường Kiểm soát <PCoIP Processor Revision> cho biết mã kiểm soát của bộ vi xử lư PcoIP. Bán dẫn TERA1x00 Hiệu chỉnh A được biểu thị bằng 0.0 và bán dẫn TERA1x00 Hiệu chỉnh B được biểu thi bằng 1.0.

Thông tin Bộ khởi động

Thông tin Bootloader cho biết chi tiết về bootloader hiện hành của PCoIP.

- <Bootloader Version>
  Phiên bản bootloader hiện hành của PcoIP

- <Bootloader Build ID>
  Mã kiểm soát của bootloader hiện hành của PCoIP
- <Bootloader Build Date>
  Ngày sản xuất bootloader hiện hành của PCoIP

Cửa sổ <User Settings>

Cửa sổ <User Settings> cho phép người dùng truy cập các thẻ cửa sổ để cấu hình thiết bị chuột, bàn phím và chất lượng hình ảnh PCoIP.

Các thẻ trong menu User Settings là:

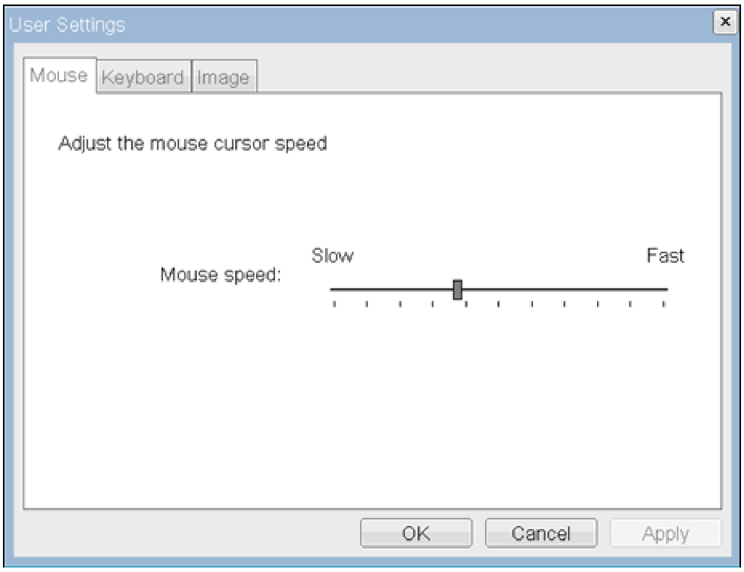
- <Mouse>
- <Keyboard>
- <Image>

Thẻ <Mouse>

Thẻ <Mouse> cho phép người dùng thay đổi các cài đặt tốc độ con trỏ chuột cho OSD và RDP.

Khi một phiên PCoIP được kích hoạt việc cài đặt tốc độ con trỏ chuột OSD không ảnh hưởng đến các thông số con trỏ chuột trừ khi chức năng của tính điều khiển Host qua bàn phím cục bộ (Local Keyboard Host Driver) đang được sử dụng (xem hướng dẫn sử dụng phần mềm PCoIP Host để biết thêm thông tin).

Hình 2-17: <Mouse>



- <Mouse Speed>
  Thẻ <Mouse Speed> cho phép bạn cài đặt tốc độ con trỏ chuột trên Portal.

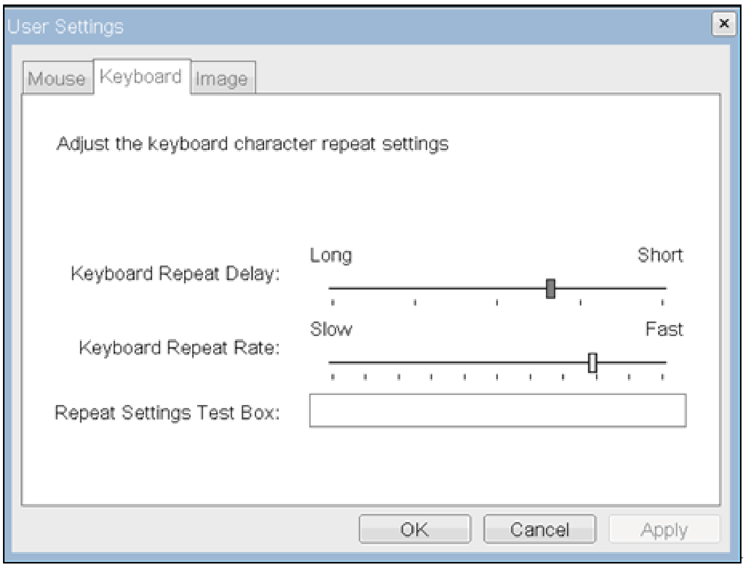
  Thẻ <Mouse Speed> có thể được cấu hình thông qua phần mềm PCoIP Host. Để biết thêm thông tin về sử dụng phần mềm PCoIP Host, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm PCoIP Host.

Thẻ <Keyboard>

Thẻ <Keyboard> cho phép một người dùng thay đổi các cài đặt lặp lại với bàn phím cho các phiên OSD và RDP.

Khi một phiên PCoIP được kích hoạt việc cài đặt bàn phím không ảnh hưởng đến các thông số bàn phím trừ phi chức năng của tính điều khiển Host qua bàn phím cục bộ (Local Keyboard Host Driver) đang được sử dụng (xem hướng dẫn sử dụng phần mềm PCoIP Host để biết thêm thông tin).

Hính 2-18: <Keyboard>



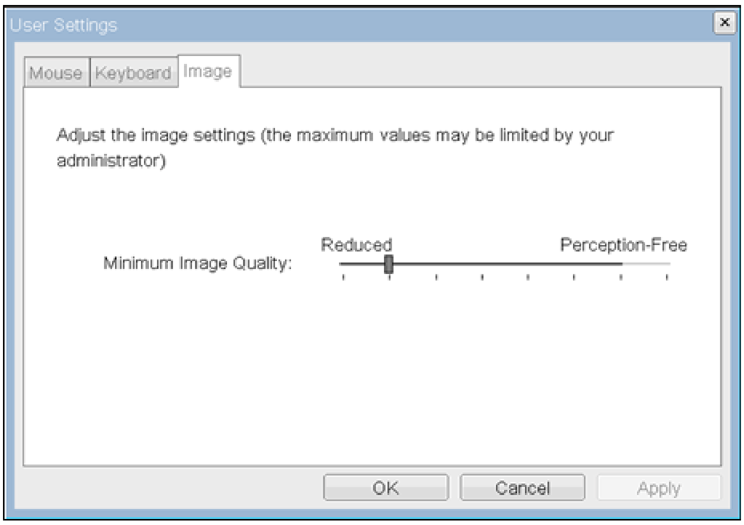
- <Keyboard Repeat Delay >
  Trường <Keyboard Repeat Delay> cho phép một người dùng cấu hính thời gian trễ lặp lại với bàn phím của Portal.
- <Keyboard Repeat Rate>
  Trường <Keyboard Repeat Rate> cho phép một người dùng cấu hính tốc độ lặp lại với bàn phím của Portal.
- <Repeat Settings Test Box >
  Trường <Repeat Settings Test Box> cho phép một người dùng kiểm tra các cài đặt đã chọn cho bàn phím.

<Image>

Thẻ <Image> cho phép một người dùng thay đổi các cài đặt hính ảnh trên hệ thống PCoIP.

Các thông số hính ảnh cũng có thể được cấu hính bằng giao diện quản trị trang web.

Hính 2-19: <Image>



- <Minimum Image Quality>

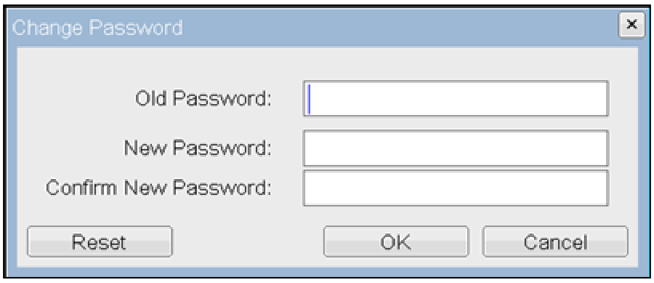
Thanh trượt <Minimal Image Quality> cho phép một người dùng cân đối giữa chất lượng hình ảnh và tốc độ của khung hình khi độ rộng băng thông có giới hạn. Một số trường hợp nên hạ chất lượng hình ảnh để tăng tốc độ khung hình, một số trường hợp khác tăng chất lượng hình ảnh ở tốc độ khung hình thấp lại là chọn lựa ưu tiên hơn.
Di chuyển thanh trượt về phía<Reduced> khi băng thông mạng bị thu hẹp sẽ làm giảm chất lượng hình ảnh.
Khi độ rộng băng thông không bị giới hạn, hệ thống PcoIP sẽ được duy trì chất lượng <perception-free> không bị ảnh hưởng bởi cài đặt <Minimum Image Quality>.

Cửa sổ <Password>

Cửa sổ <Password> cho phép nhà quản trị cập nhật mật khẩu quản trị cho thiết bị. Lưu ư rằng điều này sẽ ảnh hưởng đến giao diện web và <OSD> GUI cục bộ.

- Cần cẩn trọng khi cập nhật mật khẩu Portal do Portal có thể trở nên không sử dụng được nếu mật khẩu bị mất.
- Mật khẩu cũng có thể được cấu hình bằng giao diện quản trị trang web.
- Mặc định một số thiết bị PCoIP đã vô hiệu mật khẩu bảo vệ và do đó cửa sổ <Password> không xuất hiện. Chế độ bảo vệ mật khẩu có thể được kích hoạt thông qua bảng điều khiển quản trị PCoIP.

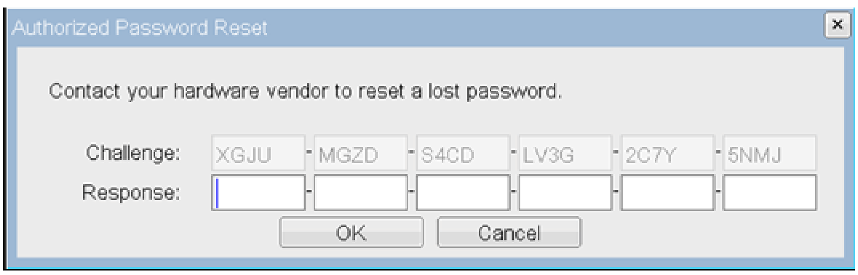
Hình 2-20: <Change Password>



- <Old Password>
  Trường <Old Password> phải khớp với mật khẩu quản trị hiện tại để sự thay đổi có hiệu lực.
- <New Password>
  Trường <New Password> sẽ là mật khẩu quản trị mới cho cả giao diện web và OSD GUI cục bộ.
- <Confirm New Password>
  Trường <Confirm New Password> phải khớp với trường <New Password> để sự thay đổi có hiệu lực.
- <Reset>
  In the unlikely event that a Portal password is lost, the <Reset> button allows an administrator to request a Response code from their vendor. The Challenge code can be sent to the vendor. The vendor will qualify the request and return a Response code if authorized.
  Once the Response code is correctly entered, the Portal's password is reset to an empty string and the administrator is prompted to enter a new password.

Contact the Portal vendor for more information when an authorized password reset is required.

Figure 2-21: <Authorized Password Reset>



Details on how to use PCoIP are subject to change. Để xem thông tin cập nhật nhất, vào trang web Teradici (http://www.teradici.com).

4-2 Natural Color

Thế nào là Natural Color?

Một trong những vấn đề với việc sử dụng máy tính là màu sắc bạn nhìn thấy trên màn hình khác với màu sắc của màn hình được in hoặc khác tín hiệu đầu vào hình ảnh nguồn qua máy scan hoặc máy ảnh kỹ thuật số. Natural Color là một hệ thống quản lý màu được phát triển bởi Công ty Điện tử SamSung để khắc phục vấn đề này.Phần mềm này chỉ hoạt động với các sản phẩm Samsung và cho phép bạn điều chỉnh màu sắc được hiển thị trên màn hình để nó khớp với màu sắc của màn hình được in. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến.Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

4-3 MultiScreen

Thế nào là MultiScreen?

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MultiScreen.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin MultiScreen trên CD-ROM.

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng MultiScreen có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt MultiScreen có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32Bit
- Windows 7 32Bit

Để sử dụng MultiScreen, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [Start (Bắt đầu)], chọn [Settings (Cài đặt)]/[Control Panel (Bảng điều khiển)] và nhấp kép vào [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)].

Chọn MultiScreen từ danh sách và nhấp nút [Add/Delete (Thêm/Xóa)].

5 Giải quyết sự cố

5-1 Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis

- Bạn có thể kiểm tra sự hoàn hảo của sản phẩm bằng chức năng Self-Diagnosis.
- Lúc màn hình trống xuất hiện và đèn LED nguồn nhấp nháy ngay cả khi sản phẩm và máy PC đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy thực hiện chức năng tự chuẩn đoán theo như trình tự sau.

1. Tắt nguồn sản phẩm và máy PC.
2. Tháo rời cáp tín hiệu khỏi sản phẩm.
3. Bật sản phẩm.
4. Nếu sản phẩm đang hoạt động tốt, bạn nhận được thông báo <Check Signal Cable>.
   Trong trường hợp này, nếu màn hình trống xuất hiện lần nữa, hãy chắc chắn rằng không có trục trặc với máy PC và kết nối.Sản phẩm hoạt động hoàn hảo.

5-2 Trước khi yêu cầu dịch vụ

Vui lòng kiểm tra các nội dung sau trước khi yêu cầu dịch vụ hậu mãi.Nếu trục trặc vẫn còn, vui lòng liên hệ trung tâm dịch vụ công ty điện tử Samsung gần nhất.

MÀN HÌNH TRỐNG XUẤT HIỆN/ TÔI KHÔNG THỂ MỞ NGUỒN SẢN PHẨM.	
Đã cắm dây nguồn đúng cách chưa?	Kiểm tra tình trạng kết nối của dây nguồn.
Có thông báo <Check Signal Cable> xuất hiện trên màn hình?	Hãy kiểm tra lại cáp kết nối với PC với sản phẩm. Trong trường hợp thông báo này vẫn xuất hiện trên màn hình ngay cả khi cáp đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy kiểm tra lại tín hiệu đầu vào bằng cách ấn nút [⏎/SOURCE (NGUỒN)] trên sản phẩm.
Xuất hiện thông báo <Not Optimum Mode> trên màn hình?	Điều này xảy ra khi tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải tối đa của sản phẩm. Trong trường hợp này, hãy thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm.
Màn hình trống xuất hiện và LED nguồn nhấp nháy mỗi giây một lần?	Điều này xảy ra khi chức năng tiết kiệm điện đang được sử dụng. Nếu bạn nhấp chuột hoặc nhấn phím bất kỳ, màn hình sẽ được kích hoạt trở lại.
HÌNH ẢNH QUÁ SÁNG HOẶC QUÁ TỐI.	
Điều chỉnh <Brightness> và <Contrast>. Nếu <MagicBright> được cài đặt là <Dynamic Contrast>, độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào.	
CÁC NÚT TRÊN MÀN HÌNH KHÔNG HOẠT ĐỘNG.	
Chế độ khóa phím đang bật?	Tắt chế độ khóa phím nếu chế độ này đang bật.
MÀU SẮC NHẬP NHẰNG/CHỈ CÓ HÌNH ẢNH TRẮNG ĐEN.	
Cả màn hình chỉ có một màu như thể màn hình có che giấy bóng kính?	Kiểm tra kết nối với máy tính. Gắn lại card màn hình cho thật chặt. Kiểm tra xem <Color Effect> có ở <Off>.
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
VÙNG HIỂN THỊ ĐỘT NGỘT DI CHUYỂN VỀ PHÍA RÌA HOẶC TRUNG TÂM.	
Bạn có thay đổi card màn hình hay trình điều khiển?	Vui lòng nhấn nút [AUTO] để kích hoạt chức năng tự điều chỉnh.
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
HÌNH ẢNH MẤT HỘI TỤ.	
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)

MÀN HÌNH HIỂN THỊ DẠNG 16 BIT (16 MÀU). MÀU SẮC THAY ĐỔI SAU KHI THAY ĐỔI CARD MÀN HÌNH.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Windows XP : Hãy cài đặt lại màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Chủ đề → Hiển thị→ Cài đặt. Windows ME/2000 : Thiết lập màu lại bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt). Windows Vista : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Cài đặt hiển thi. Windows 7 : Thay đổi cài đặt màu sắc bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Cài đặt nâng cao → Màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows.)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Xác lập chế độ màu lại cho phù hợp với trình điều khiển card màn hình mới.

KHI KẾT NỐI VỚI MÀN HÌNH, XUẤT HIỆN THÔNG BÁO 'KHÔNG TÌM THẤY MÀN HÌNH, TÌM THẤY MÀN HÌNH CẮM&CHẠY (VESA DDC)'.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.
Kiểm tra xem tất cả các chức năng cắm&chạy (VESA DDC) có được hỗ trợ tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của card màn hình.	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.

TÔI THẤY CÁC VẾT DÍNH NHỎ XUẤT HIỆN Ở CÁC VIỀN NGOÀI CỦA SẢN PHẨM.
Do sản phẩm này được thiết kế sao cho màu sắc có vẻ mềm mại bằng cách phủ một chất trong suốt lên trên các viền đen, vì thế bạn có thể thấy chúng.Điều này không phải khiếm khuyết của sản phẩm.

ÂM THANH "BÍP, BÍP" PHÁT RA KHI KHỞI ĐỘNG MÁY TÍNH.
Nếu tiếng bíp kêu 3 lần hoặc nhiều hơn khi khởi động máy tính, vui lòng yêu cầu dịch vụ về máy tính.

CÁC TRỤC TRẶC LIÊN QUAN ĐẾN ÂM THANH.	
Không có âm thanh	Hãy đảm bảo cáp âm thanh đã được kết nối vào cả cổng nhận tín hiệu âm thanh trên màn hình và cổng xuất tín hiệu âm thanh trên card âm thanh. Kiểm tra mức âm lượng.
Mức âm thanh quá thấp.	Kiểm tra mức âm lượng. Nếu âm lượng vẫn quá nhỏ sau khi chỉnh bộ điều khiển âm lượng đến mức tối đa, hãy kiểm tra lại bộ điều khiển âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

5-3 Các câu hỏi thường gặp (FAQ)

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)!	HÃY THỬ THỰC HIỆN CÁC CÁCH SAU!
Làm thế nào để thay đổi tần số của tín hiệu video?	Bạn phải thay đổi tần số của card màn hình. Windows XP : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Hiển thị→ Cài đặt → Nâng cao → Màn hình. Sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới Các cài đặt màn hình. Windows ME/2000 : Thay đổi tần số bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt → Nâng cao → Màn hình. Sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới Các cài đặt màn hình. Windows Vista : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh → Tùy chỉnh → Cài đặt hiển thi → Cài đặt nâng cao → Màn hình, và sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới phần Cài đặt màn hình. Windows 7 : Thay đổi tần số bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Cài đặt nâng cao → Màn hình, và sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới phần Cài đặt màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để chỉnh sửa độ phân giải?	Windows XP : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Appearance and Themes (Hình thức và chủ đề) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt). Windows ME/2000 : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt. Windows Vista : thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Cài đặt hiển thi. Windows 7 : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị và Tùy chỉnh → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để cài đặt chức năng tiết kiệm điện?	Windows XP : Thiết lập cấu hình bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Hiển thị → Cài đặt màn hình chờ hoặc cấu hình từ BIOS Setup của máy tính. Windows ME/2000 : Thiết lập cấu hình bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt màn hình chờ hoặc cấu hình từ BIOS Setup của máy tính. Windows Vista : Thay đổi cài đặt bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Màn hình chờ. Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên máy tính. Windows 7 : Thay đổi cài đặt bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Màn hình chờ. Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên máy tính. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows.)

6 Thông tin bổ sung

6-1 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		NC220
Tấm panel	Kích thước	22 inches (55cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) × 296,1 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	31~70kHz
	Chiều dọc	56~75Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5 % Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp Mức TTL (V cao ≥ 2,0 V, V thấp ≤ 0,8 V)
Xung Pixel cực đại		146,250MHz (Analog / Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Đầu kết nối tín hiệu		Cổng RGB IN(D-Sub)
Đầu nối máy chủ		Cổng LAN
USB		USB 2.0 X 4(Down stream)
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		508,0 X 515,0 X 215,6 mm (Có chân đế) / 5,5 Kg 508,0 X 344,3 X 56,6 mm (Không có chân đế) / 3,8 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ:10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm:5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		2˚ (±1˚) ~ 25˚ (±1˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi.

(Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-2 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Sản phẩm này có chức năng tiết kiệm điện và tự động tắt màn hình khi sản phẩm không sử dụng trong một khoảng thời hạn định trước để giảm bớt tiêu thụ điện.Nếu sản phẩm đã chuyển sang chế độ tiết kiệm điện, đèn LED nguồn chuyển sang màu khác để chỉ thị sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm điện. Khi thiết bị đang ở chế độ tiết kiệm điện, nguồn điện không tắt và bạn có thể mở màn hình trở lại bằng cách nhấn phím bất kỳ hoặc nhấn chuột.Tuy nhiên, chức năng tiết kiệm điện chỉ làm việc khi sản phẩm được kết nối với máy tính có cung cấp chức năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	TẮT NGUỒN (NÚT TẮT NGUỒN)	TẮT NGUỒN (TẮT)
Chỉ báo nguồn	Mở	Tắt	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng (Phổ biến)	38 W	Dưới 0,8 W	0 W

- Lượng tiêu thụ năng lượng thực tế có thể khác lượng tiêu thụ năng lượng được chỉ ra ở trên nếu thay đổi điều kiện hệ thống hoặc cài đặt.
- Để ngăn tiêu thụ năng lượng, hãy tắt công tắc và ngắt kết nối cáp nguồn ở phía sau. Đảm bảo ngắt kết nối nguồn năng lượng nếu bạn muốn ở xa nhà trong nhiều giờ.

6-3 Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Nếu có thắc mắc hay góp ư về sản phẩm của Samsung, vui lng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ca http://www.samsung.com/ca_fr (French)
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
ARGENTINA	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
BOLIVIA	800-10-7260	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864) From mobile 02-482 82 00	http://www.samsung.com
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com
DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com
HONDURAS	800-27919267	http://www.samsung.com
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com
PERU	0-800-777-08	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com

EUROPE		
ALBANIA	42 27 5755	http://www.samsung.com
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864,€ 0.07/ min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
BOSNIA	05 133 1999	http://www.samsung.com
BULGARIA	07001 33 11	http://www.samsung.com
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 7864)	http://www.samsung.com

EUROPE		
CZECH	800 - SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o., Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
FINLAND	030 - 6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864, € 0,14/ Min)	http://www.samsung.com
CYPRUS	From landline : 8009 4000	http://www.samsung.com
GREECE	From landline : 80111 - SAMSUNG(7267864) From landline & mobile : (+30) 210 6897691	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KOSOVO	+381 0113216899	http://www.samsung.com
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
MACEDONIA	023 207 777	http://www.samsung.com
MONTENEGRO	020 405 888	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801-1SAMSUNG (172-678) +48 22 607-93-33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	808 20 - SAMSUNG (808 20 7267)	http://www.samsung.com
RUMANIA	From landline : 08010- SAMSUNG (7267864) From landline & mobile : (+40) 21 206 01 10	http://www.samsung.com
SERBIA	0700 Samsung (0700 726 7864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG(0800-726 786)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848-SAMSUNG(7267864, CHF 0.08/ min)	http://www.samsung.com/ch http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com

CIS		
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
GEORGIA	8-800-555-555	http://www.samsung.com
ARMENIA	0-800-05-555	http://www.samsung.com
AZERBAIJAN	088-55-55-555	http://www.samsung.com
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MONGOLIA		http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http:// www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru
BELARUS	810-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com

ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk http://www.samsung.com/hk_en/
INDIA	1800 1100 11 3030 8282 1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG (726-7864) for PLDT 1-800-3-SAMSUNG(726-7864) for Digitel 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) for Globe 02-5805777	http://www.samsung.com
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999 0266-026-066	http://www.samsung.com
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MIDDLE EAST		
IRAN	021-8255	http://www.samsung.com
OMAN	800 - SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KUWAIT	183-2255	http://www.samsung.com
BAHRAIN	8000-4726	http://www.samsung.com
EGYPT	08000-726786	http://www.samsung.com
JORDAN	800-22273	http://www.samsung.com
MOROCCO	080 100 2255	http://www.samsung.com
SAUDI ARABIA	9200-21230	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

AFRICA		
CAMEROON	7095- 0077	http://www.samsung.com
COTE D' IVOIRE	8000 0077	http://www.samsung.com
GHANA	0800-10077 0302-200077	http://www.samsung.com
KENYA	0800 724 000	http://www.samsung.com
NIGERIA	0800-726-7864	http://www.samsung.com
SENEGAL	800-00-0077	http://www.samsung.com
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TANZANIA	0685 88 99 00	http://www.samsung.com
UGANDA	0800 300 300	http://www.samsung.com